

## PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

### QUYỂN 63

#### *Thiên thứ 71: KỶ VŨ*

Thiên này có 4 phần: Thuật ý, Kỳ tế, Giáng vũ, Hà hải.

#### *Phần thứ nhất: THUẬT Ý*

Thánh đạo rộng lặng cho nên có năng lực cảm ứng trọn vẹn không ranh giới. Bởi vì cảm ứng không ranh giới cho nên sự cảm ứng không có gì không thích hợp. Ví như bởi âm dương không điều hòa mà xảy ra hạn lớn kéo dài lâu ngày, lễ lạy bày tỏ lâu dài ở bờ đê phía Bắc, rười mưa không hề thích hợp ở phạm vi phía Tây, Thánh thượng ưu sầu báo trước nhiều người sẽ mất việc làm, sợ rằng việc đồng áng không được như mong muốn, quên ăn bỏ ngủ giảm bớt hình phạt, thức khuya dậy sớm trăm trở âu lo, chân thành suy nghĩ từ trên xuống dưới, non sông gấm vóc ngọc ngà tơ lụa, nước linh thiêng không tưới thấm, mây hy vọng ít tích tụ; ngẩng lên chỉ mong được tuệ bí mật chiếu sáng, không tối tăm nào không soi tỏ, thần thông không thể suy lường, có cảm ứng chắc chắn thông suốt. Vì lẽ đó ngược lên nương nhờ Tam bảo, phô diễn giáo pháp Nhất thừa, đọc tụng kinh chú vi diệu, dựng nên phước thiện to lớn, nguyện cầu giáo pháp bắt đầu mở ra, mây lành tỏa khắp gần xa, lời sâu xa cùng nói rõ, ân huệ tràn đầy hồ xa, lúa tốt nổi liền đẹp tươi đồng ruộng, quả ngon khắp nơi sum sê cây rừng, áo quần chỉ mặc toàn tơ lụa, cơm ăn ắt cung cấp đầy đủ, thế giới tươi đẹp như cõi Chúng Hương, muôn loài giống như ở miền An Dưỡng, không thỉnh cầu nào không hài hòa, có hy vọng gì ắt cảm ứng, cùng tắm gội trong dòng nước an định này, kế tục cội nguồn của Thánh trí, loại trừ mạng lưới giăng ái nhiễm kia, vượt lên cảnh giới của có-không. Mong sao được như vậy mới thỏa lòng mong mỏi.

#### *Phần thứ hai: KỶ TẾ* (cúng bái cầu khẩn).

Như không Đại Vân Luân Thỉnh Vũ nói: “Đức Phật dạy: Như

pháp cầu xin mưa lớn và ngừng mưa, nay ông lắng nghe kỹ càng! Người đứng ra cầu xin tuôn mưa, đối với tất cả chúng sanh khởi tâm Từ bi, thọ tám trai giới, ở nơi trống trải sạch sẽ, nên giăng màn xanh treo mười lá phan màu xanh, dọn dẹp sạch sẽ chỗ ấy dùng phân trâu xoa trên mặt đất nơi ấy, thỉnh Sư tụng chú ngồi tên tòa màu xanh. Nếu người tại gia thọ tám trai giới, hoặc là Tỳ kheo thì cần phải giữ gìn cấm giới, đều mặc áo quần sạch sẽ, đốt các loại hương quý giá, lại dùng hương bột rải trên chỗ ngồi của Pháp sư, nên ăn ba loại, thức ăn thanh tịnh, đó là sữa trâu - bơ và gạo tẩm. Lúc tụng phẩm Đại Vân Luân này, ngồi xoay mặt hướng về phía Đông, ngày đêm chí tâm khiến cho tiếng đọc tụng không gián đoạn, cúng dường hết thầy chư Phật, lại dùng nước trong chứa trong bình mới đặt vào bốn góc, tùy theo khả năng tiền bạc của mình mua sắm các loại thức ăn để cúng dường các rồng. Lại dùng hương hoa rải trong đạo tràng, và bốn phía xung quanh. Bốn phía pháp tòa, đều dùng nước phân trâu hoàn toàn mới và sạch, vẽ làm hình rồng (Da Xá Pháp sư Truyện nói: Phong tục địa phương ở Tây Quốc, bởi vì trâu có năng lực cày ruộng sản sinh ra mọi vật, cho nên lấy phân trâu làm sạch. Phạm Thiên - Đế Thích và trâu đều lập miếu thần để thờ cúng. Phật thuận theo tình cảm thế tục cho nên cùng lấy làm sạch vậy). Phía Đông cách pháp tòa ba khuỷa tay họa thành hình rồng, một thân có ba đầu cùng với quyền thuộc của rồng. Phía Nam cách pháp tòa năm khuỷa tay họa thành hình rồng, một thân có năm đầu cùng với các rồng quyền thuộc. Phía Tây pháp tòa bảy khuỷa tay họa thành hình rồng, một thân có bảy đầu cùng với các loài rồng quyền thuộc. Phía Bắc cách pháp tòa chín khuỷa tay họa thành hình rồng, một thân có chín đầu cùng với các rồng quyền thuộc. Pháp sư tụng chú ấy nên tự bảo vệ chính mình, hoặc chú vào nước trong, hoặc chú vào tro trắng, tự tâm nghĩ nhớ mà kết thành giới hạn đàn tràng; hoặc phân định phạm vi một bước cho đến nhiều bước, hoặc là nước hoặc là tro dùng làm ranh giới rõ ràng; hoặc chú vào sợi dây đeo cổ, hoặc la đeo tay hay đeo chân; chú vào nước hay tro thì vẩy hoặc rải trên đỉnh đầu, hoặc ở trước trán, nên dấy lên nghĩ rằng: Người có ác tâm không được đi vào ranh giới đàn tràng này; người tụng chú ấy, khởi tâm Từ bi đối với tất cả chúng sanh, khuyến thỉnh hết thầy chư Phật - Bồ-tát xót thương gia hộ, hồi hướng công đức này phân chia giúp cho các rồng. Nếu lúc không có mưa, thì đọc tụng kinh này, một ngày - hai ngày cho đến bảy ngày, âm thanh không gián đoạn cũng như phương pháp trên, chắc chắn có mưa rơi. Nước triều dâng cao ở biển lớn, có thể giữ lại vượt qua giới hạn. Nếu có

thể đầy đủ dựa vào pháp này tu hành mà không tuôn mưa, thì điều này là vô lý, chỉ trừ người không tin tưởng và không chí tâm”.

Lại trong kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ (một quyển) tóm tắt nội dung rằng: “Đức Phật bảo với các Đại Long Vương: Nay Ta sẽ nói về Đà-la-ni đã nghe từ Đại bi Vân Sanh Như lai xưa kia thuyết ra, chư Phật quá khứ đã thuyết ra uy thần, nay Ta cũng sẽ tùy thuận mà tuyên thuyết, vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, thương xót ban cho niềm vui. Ở đời vị lại, nếu lúc khô hạn thì có năng lực làm cho tuôn mưa, nếu lúc nước đầy ngập cũng làm cho dừng lại, dịch bệnh chết chóc hiểm nguy hoạn nạn đều được diệt trừ, có năng lực tập hợp các rồng, có năng lực làm cho chư Thiên hoan hỷ phấn chấn, có năng lực phá hủy tất cả cảnh giới của các ma, có năng lực làm cho chúng sanh đầy đủ an lạc. Liên thuyết chú rằng:

*Đát diệt tha Ma-ha nhã na bà bà tát ni, thất lê đế thù la khi di, địa lữ đồ tỳ ca la ma bát da la tăng ha đát nhĩ, ba la ma tị la xà, ni ma la cầu na kê đấu tô lật da ba la tỳ, tỳ ma lam già da sư trí, bà ha la bà ha la.*

*Nam mô nhã na, Sa-già-la tỳ lô giá na da, đa tha kiệt đa da, nam mô tát bà phật đà, bồ đề tát để tỳ ha.*

Lại thuyết chú rằng:

*Đát tra đát tra, đế trí đế trí, đấu trú đấu trú, Ma-ha ma ni, ma câu tra, mao lâm đạt la ni tử sa, vu lưu tất na, tam ma la tha, đế lợi hạt la đát na địa sư tra nam, bạt chiết la đà la tát để na, bạt lợi sa tha y ha Diêm-phù-đề địa tát sa ha.*

Lại thuyết chú rằng:

*A bà hà dạ mị, tát bà na kiêm, mê đế la chất để na, bồ đề chất đa phât bà kiêm mị na, na la na la, nhĩ lê nhĩ lê, nô lô nô lô, sa ha.*

Lại thuyết chú rằng:

*Thích ca la tát để na, bát la bà la sa địa, Ma-ha na già, y ha Diêm-phù-đề ti sa ha.*

Lại thuyết chú rằng:

*A sư tra ma ca, tát để na, bát la bà lợi sa tha, Ma-ha na già, y ha Diêm-phù-đề ti sa ha”.*

Còn trong kinh Đại Phương Đẳng Đại Vân nói: “Đức Phật dạy: Nếu có quốc độ nào muốn cầu khẩn Trời mưa, thì trong sáu ngày trai, nhà vua cần phải thanh tịnh tự mình tắm gội - cúng dường Tam bảo, tôn trọng ngôi ca xưng tên gọi Long Vương. Nay người thiện nam! Tánh của bốn đại chúng có thể làm cho thay đổi, tụng trì thần chú này mà Trời không tuôn mưa, điều này thật sự vô lý. Bởi vì trong kinh điển này

có thần chú, vì chúng sanh cho nên chư Phật ba đời đều cùng nhau tuyên thuyết:

*Uất cứu lệ, mâu cứu lệ, đầu để, tử đầu để, đà ni kiệt để, đà na lại để, đà na tăng, tháp hê”.*

### **Phần thứ ba: GIÁNG VŨ**

Như luận Phân Biệt Công Đức nói: “Trời và rồng đều có năng lực làm cho mưa rơi, lấy gì để phân biệt? Trời làm mưa chính là sương mù nhỏ bé buông xuống, rồng làm mưa thì ào ào trút xuống vậy. Lại vào lúc A-tu-la đánh nhau với Trời, cũng có thể làm cho tuôn mưa, mưa có hai loại, có mưa hoan hỷ, có mưa sân hận. Nếu mưa điều hòa thì đó là làn mưa hoan hỷ. Nếu như chớp giạt sáng lòa sấm sét rung chuyển, thì đó là cơn mưa sân hận (Tự tách ra các loại mây mưa sấm chớp, còn lại đều như thiên Nhật nguyệt trước đây đã nói).

Còn trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Đức Phật dạy: Thế gian như vậy không thể nghĩ bàn, cảnh giới loài rồng như vậy không thể nghĩ bàn. Sao nói mưa này là từ miệng rồng tuôn ra vậy? Đáp rằng không phải từ miệng rồng. Hay là từ mắt tai mũi thân của rồng phát ra chăng? Cũng không phải từ những nơi này phát ra mà chỉ là ý của rồng đã nghĩ đến. Nếu nghĩ đến ác cũng mưa, hoặc nghĩ đến thiện cũng mưa, cũng do căn bản mà làm ra mưa này. Như núi Tu di, phần bụng có vị Trời tên gọi Đại Lực, biết ý niệm trong tâm của chúng sanh, cũng có thể làm cho tuôn mưa, nhưng mưa không phải là từ miệng mắt tai mũi của vị Trời ấy tuôn ra, mà đều do vị Trời ấy có thần lực cho nên tạo ra mưa này:.

Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Này Phật tử! Ví như rồng lớn tùy tâm làm cho mưa tuôn, mưa không từ bên trong, cũng không từ bên ngoài. Cảnh giới của Như lai cũng lại như vậy, tùy tâm đã nghĩ đến, ở trong từng ý niệm phát sinh ra vô lượng trí không thể nghĩ bàn được, các trí tuệ ấy đều không có nơi đến. Lại nói: Này Phật tử! Tất cả nước trong biển lớn đều dấy lên từ tâm nguyện của Long Vương, trí tuệ của Như lai cũng lại như vậy, đều phát khởi từ Đại nguyện lực. Này Phật tử! Biển trí của Như lai vô lượng vô biên, không thể nói năng giải thích được, không thể nghĩ bàn được. Ta nói một vài ví dụ, nay ông lắng nghe kỹ càng, này Phật tử! Trong cõi Diêm-phù-đề này chảy ra hai ngàn năm trăm dòng sông, đều hòa vào biển lớn. Trong cõi Câu-da-ni chảy ra năm ngàn dòng sông, đều hòa vào biển lớn. Trong cõi Phất bà đề chảy ra tám ngàn bốn trăm dòng sông, đều hòa vào biển lớn. Trong cõi Uất đan việt chảy ra một vạn dòng sông, đều hòa vào biển lớn. Này Phật tử!

Trong bốn cõi này có hai vạn năm ngàn chín trăm dòng sông như vậy, đều hòa vào biển lớn. Nay Phật tử! Ý ông nghĩ thế nào, số lượng nước này nhiều hay ít? Đáp rằng: Rất nhiều.

Này Phật tử! Lại có mười Long Vương ánh sáng, tuôn mưa trong biển lớn, đều vượt quá lượng nước trước đây; một trăm Long Vương ánh sáng tuôn mưa trong biển lớn, lại đều vượt quá trước đây. Như vậy cho đến tám mươi ức Long Vương, tất cả đều tuôn mưa trong biển lớn, lần lượt chuyển đổi vượt quá trước đây; Thái tử Long Vương Sa-già-la, tên gọi là Phật Sanh, tuôn mưa trong biển lớn lại đều vượt quá trước đây.

Này Phật tử! mười Long Vương ánh sáng kia đều ở trong hồ sâu, chảy vào biển lớn, lại đều hơn trước; một trăm Long Vương ánh sáng vốn ở trong hồ sâu, chảy vào biển lớn, lại đều hơn trước. Như vậy cùng nói rộng ra cho đến Thái tử Long Vương Sa-già-la vốn ở trong hồ sâu, chảy vào biển lớn, lại đều hơn trước.

Nay Phật tử! Như tám mươi ức Long Vương kia cho đến Thái tử Long Vương Sa-già-la, tuôn mưa trong biển lớn, và ở trong hồ sâu, tất cả đều không bằng Long Vương Sa-già-la đã tuôn mưa trong biển lớn; Long Vương Sa-già-la vốn ở trong hồ sâu, tuôn chảy ra hòa vào biển lớn, lại gấp bội hơn trước. Dòng nước tuôn ra kia có sắc màu lưu ly xanh, tràn đầy biển lớn, tuôn ra có lúc vì vậy thủy triều ở biển luôn luôn không sai thời gian.

Này Phật tử! Biển lớn như vậy mà nước ấy vô lượng, trân bảo vô lượng, chúng sanh vô lượng, đại địa vô lượng. Nay Phật tử! Ý ông nghĩ thế nào, nước trong biển lớn kia là vô lượng hay không? Đáp rằng: Thật sự như vậy, nước ấy sâu rộng không thể nào làm ví dụ. Nay Phật tử! Nước biển sâu rộng vô lượng như vậy, đối với biển trí vô lượng của Như lai, trăm phần không bằng một phần, thậm chí không thể nào làm ví dụ, chỉ tùy theo sự ứng hóa để làm ví dụ mà thôi”.

Phần thứ tư: Hà hải.

Như luận Tân Bà Sa nói: “Ở trong Thiệm bộ châu này có bốn dòng sông lớn, quyển thuộc mỗi dòng sông lớn đều có bốn dòng sông nhỏ, tùy theo phương hướng của nó chảy vào biển rộng. Nghĩa là ngay ở giữa Thiệm bộ châu này có một hồ lớn tên là Vô Nhiệt Nảo, bắt đầu từ hồ kia chảy ra bốn dòng sông lớn, một tên là Căng Già, hai tên là Tín Độ, ba tên là Phược Sô, bốn tên là Tư Đa. Thứ nhất là dòng Căng Già từ miệng voi vàng ở phía Đông của hồ chảy ra, uốn quanh về bên phải hồ một vòng rồi chảy vào biển phía Đông. Tiếp đến là sông Tín Độ từ miệng trâu bạc ở phía Nam của hồ chảy ra, uốn quanh về bên phải hồ

một vòng rồi chảy vào biển phía Nam. Tiếp theo là sông Phước Sô từ miệng phệ lưu ly ở phía Tây của hồ chảy ra, uốn quanh về bên phải hồ một vòng rồi chảy vào biển phía Tây. Cuối cùng là sông Từ Đa từ miệng sư tử pha chi ca ở phía Bắc của hồ chảy ra, uốn quanh về bên phải hồ một vòng rồi chảy vào biển phía Bắc. Dòng sông lớn Căng Già có bốn dòng sông quyền thuộc, đó là: Một gọi là Diêm Mẫu Na, hai gọi là Tát Lạc Du, ba gọi là A Thị La Phiệt Đế, bốn gọi là Mạc hê. Dòng sông lớn Tín Độ có bốn dòng sông quyền thuộc, đó là” Một gọi là Tỳ Phả Xa, hai gọi là Ái La Phiệt Đế, ba gọi là Thiết Tử Đồ Lô, bốn gọi là Tỳ Tử Bà Đa. Dòng sông lớn Phước Sô có bốn dòng sông quyền thuộc, đó là: Một gọi là Phiệt Lạt nã, hai gọi là Phệ Tử Lạt Ni, ba gọi là Phòng Xa, bốn gọi là Khuất Mẫn Bà. Dòng sông lớn Từ Đa có bốn dòng sông quyền thuộc, đó là: Một gọi là Tát Lê, hai gọi là Tị Ma, ba gọi là Nại Địa, bốn gọi là Điện Quang. Như vậy tạm thời nói về những dòng sông có tiếng tăm, nhưng mà dòng sông lớn thì mỗi một dòng đều có năm trăm dòng sông quyền thuộc, cùng nguồn gốc tất cả có hai ngàn lẻ bốn dòng sông, tùy theo phương hướng của mỗi dòng sông mà chảy vào biển rộng. Như vậy đã nói về hai ngàn lẻ bốn dòng sông, trước khi chưa hòa vào biển rộng, có thể có năng lực nào làm cho không thể hòa vào biển rộng hay không? Không hề có chuyện như vậy, giả sử có người, hoặc dùng thần lực, hoặc dùng chú thuật, nói rộng ra thậm chí khiến cho không được đi vào Thánh đế hiện quán, thì điều này thật sự vô lý”.

Lại trong kinh Niết-bàn nói: “Ví như biển rộng có tám điều không thể nghĩ bàn được. Những gì là tám điều? Đó là” 1/ Dần dần trở thành sâu hơn; 2/ Sâu khó biết được tận đáy; 3/ Cùng chung một vị mặn; 4/ Triều dâng không vượt quá giới hạn; 5/ Có các loại vật báu tàng trữ; 6/ Chúng sanh thân lớn cư trú ở trong đó; 7/ Không dung chứa xác chết; 8/ Tất cả mọi dòng chảy cùng mưa lớn đổ vào mà không tăng không giảm”.

Lại trong kinh Kim Cang Tam Muội Bất Hoại Bất Diệt nói: “Đức Phật dạy: Nay Di-lặc nên biết, hồ lớn A Nậu phát sinh bốn dòng sông lớn, bốn dòng sông lớn này phân ra thành tám dòng sông phụ thuộc, và tất cả các dòng chảy trong cõi Diêm-phù-đề quy về biển rộng, dùng để tưới núi cháy khô mà biển rộng không tăng, bởi vì Kim Cang luân cho nên biển rộng không giảm, Kim Cang luân này thường xuyên xoay chuyển, vì thế làm cho nước trong biển rộng cùng chung một vị mặn”.

Lại trong kinh Niết-bàn nói: “Này thiện nam! Như trong sông Căng Già có bảy loại chúng sanh: 1/ Thường ẩn; 2/ Tạm thời hiện rồi

lại ẩn; 3/ Hiện rồi thì an trú; 4/ Hiện rồi thì quan sát khắp bốn phương; 5/ Quan sát khắp rồi thì đi; 6/ Đi rồi lại an trú; 7/ Dưới nước trên đất liền cùng đi. Nói thường ẩn, đó gọi là cá lớn, nhận chịu nhiều ác nghiệp, thân nặng ở chỗ sâu, vì vậy cho nên thường ẩn. Loài tạm thời hiện rồi lại ẩn, giống như cá lớn này nhận chịu ác nghiệp, thân nặng ở chỗ cạn, tạm thời trông thấy ánh sáng, nhờ ánh sáng cho nên xuất hiện, nặng nề do đó lại ẩn đi. Loài hiện rồi thì an trú, đó là loài cá Để đi, thân ở chỗ nước cạn thích thấy ánh sáng, cho nên xuất hiện rồi thì an trú. Loài quan sát khắp bốn phương, đó gọi là loài cá Thác, vì kiếm ăn cho nên quan sát khắp bốn phương, vì vậy mà quan sát phương hướng. Quan sát khắp rồi thì đi, đó là loài cá Thác từ xa trông thấy vật khác, nói đều là có thể ăn, thì nhanh chóng đi đến chỗ ấy, vì vậy quan sát khắp rồi liền đi. Đi rồi lại an trú, loài cá này đi đến rồi đã có được cái có thể ăn, thì liền dừng lại, vì thế đi rồi lại an trú. Loài dưới nước trên đất liền cùng đi lại, tức là loài rùa”.

(Dụ về bảy loại chúng sanh thì như vậy không phiên thuật lại ở đây).

Tụng rằng:

*Lời sâu xa bắt đầu nói rõ,  
Mây mù cuộn lên trên Trời cao,  
Mờ mịt buông xuống tỏa khắp nơi,  
Mưa tuôn tưới thấm khắp núi đồi,  
Cỏ cây cùng đâm chồi nảy lộc,  
Thóc lúa đều chín vàng ruộng đồng,  
Tự nhiên không phải lực phước từ,  
Há cảm niềm vui năm được mùa?*

### **NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG**

Sơ lược dẫn ra 22 chuyện: 1. Thời Tần ở huyện Trung Túc có quán đình thờ Thủy thần; 2. Thời Tần ở huyện Đan Dương có miếu thần Mai Cô bên hồ nước; 3. Thời Hán ở đền thờ Trúc Vương độn thủy nước Dạ Lang có thần Trúc Tiết; 4. Thời Hán Trung Bình trong vùng Giang Thủy có quỷ quái ngậm cát phun người; 5. Thời Hán ở huyện Bất Vi quận Vĩnh xương có nước cấm dùng vì khí độc; 6. Phía Đông của Thái Sơn có Phong Tuyên uống vào sử dụng như thần linh; 7. Núi Nhị Hoa đầu nguồn Hoàng Hà có thần sắp xếp phân dòng chảy; 8. Thời Hoàng Đế có Xích Tương Tử Dư có năng lực thuận theo gió mưa trên dưới; 9. Thời Thần Nông có Xích Tùng Tử là thầy cầu mưa có thể uống nước đi

vào lửa; 10. Thời Hán có Sa môn Thiên Cát có tài cầu mưa bị Tôn Sách ghen ghét làm hại chê trách; 11. Thời Hán có Sa môn Trúc Đàm Cái cầu mưa có linh ứng; 12. Thời Tấn có Sa môn Tăng Quần ở ẩn trong núi cảm thần uống nước mà không đói; 13. Thời Tấn ở Lư Sơn có Thích Tuệ Viễn dùng gậy đào đất cảm ứng dòng suối tuôn trào ra; 14. Thời Tấn có Sa môn Vu Pháp Lan cảm ứng khe núi khô cạn tuôn chảy nước trong; 15. Thời Tấn có Sa môn Thiệp Công có thể chú nguyện rồng vào trong bát; 16. Thời Tấn có Sa môn Phật Đồ Trưng có thể cầu mưa mà rồng trắng hai đầu xuất hiện; 17. Thời Tấn có Sa môn Trúc Đàm Ma La Sát có thể chú nguyện vào nước khô cạn mà lại chảy; 18. Thời Tống có Sa môn Cầu Na bạt Đà La có thể cầu mưa kịp thời mà tuôn xuống; 19. Thời Tề có Sa môn Đàm Siêu có thần cầu thỉnh Đàm Siêu cầu mưa có linh ứng; 20. Thời Lương ở nhà An Quốc có pho tượng tốt lành ở nơi phát ra ánh sáng có dòng suối hiện ra; 21. Thời Đường có Sa môn Không Tạng có thể cầu mưa rất có linh ứng; 22. Thời Đường có Sa môn Tuệ Tuyền ở ẩn trong núi không có nước cảm thần thỉnh cầu nơi ở có được nước.

1. Thời nhà Tần có vùng Thiên lý thủy ở huyện Trung Túc, dựng quán đình có bệ thờ Giang thần, ai đi qua nơi ấy có điều gì không cẩn thận và cung kính, ắt phải điên cuồng chạy vào núi mà biến thành hổ. Dân huyện Trung Triệu đến Lạc Dương trở về, giữa đường gặp một khách đường xa, gởi nhờ hòm sách vở của mình mà nói rằng: Nhà tôi ở quán đình trước miếu thờ, tức là nơi cây mây treo giữa tảng đá, chỉ đụng vào cây mây tự nhiên có người trả lời. Thế là mang hòm sách về. Như lời nói quả nhiên có hai người, từ trong nước đi ra lấy hòm sách mà ẩn vào nước. lát sau trở lại nói rằng: Giang Bá muốn gặp ông. Người này bất giác đi theo, thì trông thấy nhà cửa tráng lệ vô cùng, đồ ăn thức uống ngon lành thơm phức, chuyện trò tiếp đãi không khác gì thế gian.

2. Thời nhà Tần bên cạnh hồ nước ở huyện Đan Dương có miếu thờ Mai Cô. Cô lúc còn sống có đạo thuật, có thể mang giày đi trên mặt nước. Sau dựa vào đạo pháp, chồng phản nộ mà giết chết, ném xác vào trong nước, thế là dập dềnh trôi nổi theo dòng nước. Cho đến bây giờ ở nơi miếu có người rung chuông bói quẻ, thường khiến khâm liệm, không cần phải có mộ phần chôn cất. Lập tức có cỗ quan tài bằng cây sơn ở dưới đền thờ, ngày cuối tháng và ngày rằm, thì thấy giữa làn sương mù trên mặt nước lơ mơ như có hình dáng mang giày, hai bên miếu thờ không được săn bắn đánh bắt các loài thú vật, nếu ai vi phạm thì xảy ra tai họa làm cho lạc đường hoặc chìm xuống nước. Thầy mo nói: Cô đã chết thảm thương, vì vậy ghét thấy cảnh tàn sát vậy.



3. Thời nhà Hán có đền thờ Trúc Vương độn thủy ở nước Dạ Lang. Xưa có cô gái giặt áo quần ở bờ nước, có đoạn trúc lớn chảy vào giữa chân cô gái, đẩy ra không được, nghe có tiếng khóc của trẻ thơ, nên phá vỡ ống trúc thì thấy có một bé trai, nuôi dưỡng lớn lên có tài năng uy dũng, thế là trở thành anh hùng của các tộc người Di-Liêu, lấy trúc làm họ. Đoạn trúc phá vỡ, bỏ ở đồng hoang, liền mọc lên thành rừng. Trúc Vương đã từng dừng lại ở trên tảng đá làm món canh mà không có nước, liền dùng kiếm gõ vào đá, dòng suối lập tức tuôn chảy ra. Nay dùng nước Trúc Vương và rừng trúc phá đá đều còn. Hán triều sai Đường Mông dụ dỗ mà chém chết. Người Di-Liêu oán hận nói rằng: Trúc Vương không phải sinh ra từ tinh huyết, cầu xin lập đền thờ. Thái thú Ngô Bá dâng biểu phong cho ba người con làm Hầu. Nay hãy còn có miếu thờ Trúc Vương Tiết.

Ba chuyện trên đây trích từ Dị Uyển.

4. Thời nhà Hán trong niên hiệu Trung Bình có vật ở trong vùng Giang Thủy, tên gọi của nó là Vực, còn gọi là Đoản Hồ, thường ngâm cát phun vào người ta, người bị phun trúng thì thân thể rã rời đầu đau phát sốt, nặng thì dẫn đến tử vong. Người bên sông dùng chú thuật để áp chế, thì bị cát đá bay vào trong thức ăn. Thi ca đã nói rằng là loài quỷ quái, thì không thể làm gì được nó. Nay thông thường nói là Khê Độc. Tiên Nho cho rằng trai gái phương Nam tắm chung dòng sông, tình khí gặp nhau mà sinh ra vậy.

5. Thời nhà Hán ở huyện Bất Vi quận Vĩnh Xương có nước cấm sử dụng, bởi vì nước có khí độc, chỉ có tháng mười một tháng mười hai thì có thể vượt qua, từ tháng Giêng đến tháng mười thì không thể vượt qua, vì sẽ mắc bệnh chết người. Trong khí độc ấy có vật ác hiểm, mà không thấy hình thể của nó. Vật ấy giống như có tiếng nói, nếu như có ai dùng vật gì ném vào trong đó, nước trúng cây thì cây gãy, trúng người thì người bị tổn hại. Phong tục địa phương gọi đó là Quỷ Đạn.

6. Phía Đông của Thái Sơn có Phong Tuyền, hình dạng như cái giếng, phần chính là một tảng đá. Người muốn lấy nước uống, đều phải tẩy rửa lòng dạ thành kính quỳ lạy, thì nước chảy ra như dòng suối, nhiều ít đủ để sử dụng. Nếu như có ngạo mạn thì dùng nước rút vào lại. Bởi vì nơi ấy có thần linh thường giám sát vậy.

7. Núi Nhị Hoa, nơi ấy vốn là một ngọn núi. Lúc ấy nước sông chảy qua mà dòng chảy uốn cong lại, có vị thần sắp xếp mà phân ra để dòng sông chảy thông suốt. Dấu tích tay chân của thần linh ngày nay hãy còn. Vì vậy Trương Hoàng làm bài phú về Tây Kinh, đã nói rằng

thần linh rất lớn cố lấy sức gánh vác, dấu tích bàn tay cao xa, khơi thông chỗ dòng sông uốn khúc.

8. Xích Tương Tử Du, là người thời Hoàng Đế. Không an ngũ cốc mà ăn hoa cỏ thay cơm. Đến thời vua Nghiêu làm thợ mộc, có năng lực thuận theo gió mưa trên dưới, luôn luôn ở trong cổng chợ bán dây buộc tên, cũng gọi là Chước Phụ.

Chu Lễ-Xuân Quan-Tông Bá-Nhật Lễ-Tư Mạng, là sao Phong Bá Vũ Sư, là sao Phong Sư Kinh, là sao Vũ Sư Tất. Huyền nói là Tư Trung – Tư Mạng – Văn Xương là sao thứ tư thứ năm vậy. Dựa theo Bao Phác Tử nói: “Hà Bá là người Hoa Âm, vào ngày Canh đầu tháng tám qua sông bị chết đuối, Thiên Đế bố trí làm hà Bá”. Còn trong Ngũ Hành Thư nói: “Hà Bá chết vào ngày Canh Thìn, không thể lo liệu tàu thuyền đi xa, chìm đắm không trở về”.

9. Xích Tùng Tử là người cầu mưa thời Thần Nông. Uống nước ngọc để dạy Thần Nông, có tài đi vào lửa tự đốt cháy, đến núi Côn Lôn thường vào trong hang đá Tây Vương Mẫu, thuận theo gió mưa trên dưới. Cô con gái của Viên Đế truy tìm cũng nhất định cùng đi, đến thời Cao tân lại làm người cầu mưa. Nguồn gốc của người cầu mưa ngày nay.

Bảy điều trên đây trích từ Sư Thần Ký.

10. Thời nhà Hán có Tôn Sách, đã ổn định vùng Cối Kê, dẫn quân lính nghênh đón Hán Đế. Lúc ấy Đạo nhân Thiên Cát ở trong quân lính của Tôn Sách, gặp Trời làm hạn lớn nên thuyền đi không thông suốt, Tôn Sách đã từng tự mình đứng ra chỉ huy tất cả mọi người trong quân ngũ, cứ mỗi lần trông thấy tướng sĩ tập trung nhiều ở chỗ Thiên Cát, vì thế mà phẫn nộ nói rằng: Ta không bằng Thiên Cát ư? Bèn bắt Thiên Cát trói chặt đặt giữa Trời ban trưa, khiến phải cầu mưa tuôn xuống, nếu không cầu được thì sẽ chịu bị chém đầu. Trong chốc lát mây mưa tuôn xuống tràn đầy, chưa kịp di chuyển thì khe núi tuôn chảy tràn ra. Lúc ấy mọi người cùng đến chúc mừng, Thiên Cát tránh khỏi cái chết. Tôn Sách tức giận vô cùng, ý muốn khiến người giết hại. Vì vậy Tôn Sách rất đau khổ buồn phiền, cứ dường như thấy Thiên Cát. Sau đó ra ngoài săn bắn bọ thích khách làm cho tổn thương, điều trị sắp khỏi, lấy gương ra tự nhìn mình thì thấy Thiên Cát rõ ràng trong gương, quay lại nhìn thì không có gì. Nhiều lần như vậy, liền đập vỡ gương gọi lớn, vết thương bị nứt toác, chốc lát mà chết.

Chuyện này xem trong Oan Hồn Chí.

11. Thời nhà Hán có Sa môn Trúc Đàm Cái, là người quận Tần,

thật sự có khổ hạnh, ôm bình bát chống tích trượng đi mọi nơi giáo hóa mọi người, sống ở Trường Sơn thường hành Bát Châu, rất giỏi về thần chú, quả thật là có ứng nghiệm, Tư Mã Nguyên Hiển rất cung kính và tôn trọng. Vệ tướng quân Lưu Nghị, nghe sự tình chuyên kiên trì ấy, mời đến chuyện trò qua lại thăm viếng rất thân tình. Năm thứ năm thời Nghĩa Hưng xảy ra hạn hán lớn, ao hồ khô cạn cây cối cháy khô, cúng tế cầu khẩn núi sông nhiều tuần không ứng được gì, Lưu Nghị bèn thỉnh Tăng thiết trai, Đàm Cái cũng có mặt. Trai hội kết thúc tự mình chèo thuyền trôi nổi trên sông suối, văn võ quân binh dân chúng cả châu đều đi theo. Đàm Cái ở giữa dòng thấp hương mây liền cuộn lên. Tiếp tục đọc gần nửa quyển thì ao hồ khắp nơi tràn đầy. Đến khi vừa rời quyển kinh thì mây mù che kín mưa lớn trút xuống, ao hồ đều đầy nước. Năm ấy đi theo Lưu Bích, là chú của Lưu Nghị lúc ấy làm Quốc lang trung lệnh, tự mình đưa cho tập này, chính mắt đã nhìn thấy sự việc như vậy.

12. Thời nhà Tấn ở huyện Giang vùng An La có ngọn Hoắc Sơn, núi cao che lấp mặt Trời, trên đỉnh có chiếc chày đá, bề mặt trải dài mấy trượng, dòng nước giữa cái chày sâu năm, sáu thước, thường xuyên chảy tràn ra. Cổ xưa truyền rằng: Nơi các vị Tiên đạo chơi và thả câu vậy. Có Sa môn Thích Tăng Quần, ở ẩn tại núi ấy, thường uống nước này, liền cảm thấy không đói vì vậy mà không ăn gì nữa. Thái thú vùng Tấn An là Đào Ưu, nghe mà đến cầu xin. Tăng Quần lấy nước đưa cho Đào Ưu đi ra khỏi núi thì người thấy hơi thối. Đào Ưu ngay sau đó vượt biển đến núi, lúc ấy cảnh Trời trong sáng, Đào Ưu đặt chân đến núi thì mưa tối mịt. Như vậy đến 3 lần, cuối cùng không đến được. Tăng Quần vốn ở một nơi cách dòng suối ấy một khe núi, sớm chiều qua lại, dùng một cây gỗ làm chiếc cầu. Sau đó vào sáng sớm đi qua lấy nước, thì thấy một con vịt gãy cánh, duỗi cánh đứng đầu cầu, đón để mổ Tăng Quần, cứ thế mãi không qua được, muốn đưa tích trượng gạt đi, nhưng sợ rằng sẽ rơi xuống mà chết. Từ ấy không có nước này, trong chốc lát mà đói lả chết đi. Lúc ấy truyện nói rằng: “Năm một trăm bốn mươi tuổi, Tăng Quần sắp chết, nói cho mọi người biết rằng: Lúc còn trẻ đã từng đánh gãy cánh một con vịt, có lẽ đây là nhân duyên báo ứng của con vịt này chăng?”

13. Thời nhà Tấn ở phía Tây vùng Lư Sơn – Tầm Dương có tinh xá Long Tuyền, chính là do Sa môn Tuệ Viễn đã sáng lập. Tuệ Viễn bắt đầu từ phương Nam đến, thích ý với vùng đất này muốn sáng lập chùa chiền, nhưng chưa biết chắc chắn nơi nào, bèn sai các đệ tử đi tìm hiểu núi rừng khe suối, mệt mỏi dừng lại chỗ này, chúng Tăng đều khát

nước, thẳng thắn cùng nhau lập thệ nguyện rằng: Nếu như nơi này thích hợp để xây tinh xá, thì nguyện xin thần lực lập tức phát ra dòng suối tốt lành. Thế là dùng gậy đào đất, dòng suối trong lành tuôn chảy, liền tích chứa thành hồ, nhờ đó xây dựng nhà cửa. Sau đó Trời xảy ra hạn lớn, Tuệ Viễn dẫn đầu chúng Tăng tụng kinh Hải Long Vương, cầu mưa cho dân chúng. Đọc tụng chưa xong, giữa dòng nước có vật hình dạng giống như con rắn lớn, vọt lên hư không mà đi. Chốc lát mưa lớn đổ xuống khắp nơi, cao thấp đều được tưới thấm, vì có rồng xuất hiện cho nên lấy làm tên gọi là Long Tuyền vậy.

14. Thời nhà Tần có Sa môn Vui Pháp Lan, là người vùng Cao Dương, xuất gia từ lúc mười lăm tuổi, tài năng kiến thức rất sâu sắc, sự nghiệp phẩm hạnh nghiêm túc trong sáng; chùa ở nơi núi sâu thường trong đêm ngồi thiền, hổ đi vào phòng mà ngồi xổm trước giường, Pháp Lan đưa tay xoa đầu hổ, hổ vẫy tai mà nằm xuống, mấy ngày mới đi. Trúc Hộ là người vùng Đôn Hoàng, phong cách thần sắc khác người, cũng tiếp theo Pháp Lan. Lúc ấy kinh điển mới dịch từ tiếng Phạn ra là số nhiều, văn từ câu nghĩa rối rắm- chương kệ không chỉnh tíc, mới tiếp thu ý nghĩa quan trọng của kinh sửa lại lời văn dài dòng ấy. Cũng nuôi dưỡng đồ chúng trong núi, núi có khe suối trong xanh mức lên mà cung cấp cho mọi sinh hoạt, có người hái củi, thường làm bắn dòng nước ấy, dòng nước lập tức khô cạn, chốc lát tuyết dòng chảy. Trúc Hộ đến khe suối bồi hồi than rằng: Nếu nước khô cạn thì tôi lấy gì sinh hoạt! Nói xong mà dòng nước trong xanh tràn đầy, chốc lát lại đầy khe suối. Ngay cả Vũ Huệ là người cùng thời, Chi Đạo Lâm làm bài ca ngợi hình tượng rằng: “Vu Pháp Lan tuyệt thế, hiểu tôn chỉ sâu xa, ẩn trong núi rừng sâu, nhân ái cảm hóa hổ. Trúc Hộ luôn trong lặng, đạo đức sâu tốt đẹp, khê ngâm dòng suối cạn, khe khô lại đầy nước”.

Bốn chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

15. Thời nhà Tấn ở Trường An có Thiệp Công, là người Tây Vực, lặng yên hít thở không khí không ăn ngũ cốc, ngày có thể đi năm trăm dặm. Nói sự việc khi chưa xảy ra, nghiệm đúng như chỉ tay trong lòng bàn tay. Vào năm thứ mười một thời Kiến Nguyên – Phù Kiên, đến huyện Trường An, dùng chú bí mật chú nguyện vào thần rồng. Cứ mỗi khi khô hạn thì Phù Kiên thường thỉnh cầu để chú nguyện rồng đến, chốc lát rồng vào trong bát, Trời nhất định tuôn mưa lớn. Phù Kiên và quần thần đích thân đến bát nhìn xem, đều ca ngợi sự kỳ lạ ấy. Phù Kiên tôn thờ làm thần linh của đất nước, quân binh dân chúng đều tìm đến tự mình chạm vào chân, tất nhiên là không còn lo sợ khô hạn nữa.

Cuối cùng vào tháng mười hai năm thứ sáu, không có bệnh gì mà hóa thân, Phù Kiên khóc lóc rất đau thương. Cuối cùng sau bảy ngày Phù Kiên vì sự thần dị ấy, thử mở quan tài nhìn xem, không thấy thi hài trong quan, chỉ có cái chăn tẩm liệm còn lại mà thôi. Đến năm thứ mười bảy từ tháng Giêng không mưa cho đến tháng 6, Phù Kiên bỏ ăn ngủ, để đón chờ thời tiết ôn hòa. Đến tháng bảy mưa tuôn xuống, Phù Kiên nói với Trung Thư Chu Dung rằng: Nếu Thiệp Công còn thì trẫm há mỗi mòn nóng ruột đối với mây mưa như vậy hay sao? Thiệp Công này là bậc Đại Thánh chăng? Chu Dung nói: Pháp thuật này sâu xa vi diệu, thật sự cũng là điều thiện hiếm thấy từ xưa đến nay.

16. Thời nhà Tấn có Phật Đồ Trừng, biết nhiều pháp thuật kỳ lạ xưa nay, đạo đức tài nghệ siêu quần. Niên hiệu Kiến Vũ nhà Tấn từ tháng Giêng đến tháng sáu Trời làm hạn hán lớn, Thạch Hổ sai Thái tử đến Cốc Khẩu phía Tây vùng Lâm Chương cầu mưa, lâu mà không tuôn mưa. Thạch Hổ lệnh cho Đồ Trừng tự cầu mưa, lập tức có cơn mưa trắng hai đầu hiện ra nơi miếu thờ, ngày ấy mưa lớn, xa đến mấy ngàn dặm, năm đó thu hoạch được nhiều. Các tộc người Nhung người Mịch trước đó không biết đến giáo pháp, nghe Đồ Trừng thần nghiệm đều từ xa hưởng về lễ lạy, hoàn toàn không nói mà hóa độ được họ.

17. Thời nhà Tấn có Trúc Đàm Ma La Sát, Trung Hoa nói là Pháp Hộ Tổ tiên là người nước Nguyệt Thị, vốn có họ là Chi Thị, nhiều đời trú tại vùng Đôn Hoàng, bẩm tính thuần khiết trong sáng – phẩm hạnh cần cù chịu khó, dốc chí học hỏi đi xa tìm thầy, ngày tụng vạn lời xem qua thì nghi nhớ rõ ràng, vì vậy đọc rộng 6 kinh tâm tư đạo qua bảy thư tịch, tuy việc đời luôn luôn có phỉ báng và ca ngợi, nhưng không hề phân biệt giữ lấy. Lúc ấy là thời Tấn Vũ Đế, chùa miếu tháp tượng tuy được xây dựng khắp nơi, mà kinh Phương Đẳng sâu xa còn ẩn kín ở ngoài thế cuộc, Pháp Hộ mới khẳng khái quyết tâm cố gắng dốc chí hoàng dương Đại đạo, liền tùy ý đi đến Tây Vực, mang nhiều kinh luận trở về vùng Trung Hạ. Dọc đường truyền bá phiên dịch viết thành văn từ của thời Tấn, đã được một trăm sáu mươi lăm bộ như Hiền Kiếp – Chánh Pháp – Hoa Quang Tán... Cần mẫn theo đuổi, chỉ lấy sự hoàng dương đạo pháp làm sự nghiệp, suốt đời biên dịch chịu đựng gian khổ không biết mệt mỏi. Sau ẩn cư trong núi sâu, núi có khe suối trong veo, thường lấy dùng cho mọi sinh hoạt. Sau có người hái củi, làm uestạp bên dòng nước đó, trong chốc lát mà khô cạn. Pháp Hộ mới bồi hồi than rằng: Người không có đức lập tức làm cho dòng suối trong xanh ngừng chảy, nếu như nước mãi mãi khô cạn thì thật không thể nào tự mình

cung cấp được, đích thực nên chuyển đi nơi khác mà thôi. Nói xong thì dòng nước chảy đầy khe suối, sự chân thành sâu thẳm ấy đã cảm ứng như vậy, cho nên Chi Độn làm bài ca ngợi hình tượng rằng:

Pháp Hộ luôn trong lặng, đạo đức sâu tốt đẹp, khế ngâm dòng suối cạn, khe khô nước chảy tràn. Xa với quá Pháp Hộ, vươn thẳng ý hoằng pháp, rửa chân giữa cát trôi, tiếp nhận tôn chỉ thật.

Sau dựng chùa ở ngoài Thanh Môn – Trường An, tinh cần hành đạo, phẩm hạnh đạo đức sáng ngời - cảm hóa khắp gần xa-danh tiếng lừng lẫy mọi nơi, mấy ngàn Tăng đồ đều cúng nhau tôn thờ cung kính. Đến thời Tấn Huệ Đế tránh về phía Tây, vùng Quan Trung nhiễu loạn dân chúng chuyển dời đi lánh nạn, Pháp Hộ cùng với môn đồ tránh xuống vùng phía Đông, đến Thằng Trì gặp phải bệnh nặng mà qua đời, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi. Sau Tôn Xước soạn ra Đạo Hiền Luận, chọn bảy vị Tăng người Thiên Trúc nơi Trúc Lâm, bảy Hiền chọn Pháp Hộ làm sự bất nguồn to lớn.

18. Năm thứ sáu thời Tống Đại Minh thiên hạ gặp hạn hán lớn, cầu khẩn sông núi nhiều tháng ròng không linh nghiệm gì. Thế Tổ thỉnh cầu Tam Tạng Pháp sư Cầu Na Bạt Đà La cầu mưa, nhất định khiến cho có cảm ứng, nếu như không được tuôn mưa thì không cần phải gặp nhau nữa. Bạt Đà nói: Ngược lên nhờ vào Tam bảo, và uy đức của bộ hạ thì hy vọng nhất định ban cho ân huệ mà tuôn mưa, nếu như không được thì không gặp lại nhau nữa. Liền đi đến đài cầu ở hồ nước phía Bắc thấp hương cầu thỉnh, không cần ăn uống gì cả, lặng yên mà tụng kinh, bí mật gia trì thần chú. Ngày hôm sau vào giờ Thân phía tây Bắc có mây cuộn lên, ban đầu như cái tán tròn, mặt Trời còn trên ngọn dâu ngọn đa, gió ào ào mây tụ lại, tuôn mưa mấy ngày liền. Sáng sớm các vị công khanh vào chúc mừng, truyền lệnh tiếp kiến thăm hỏi cúng dường tiếp theo nhau. Đến thời Tống Thái Tông, lễ vật cúng dường càng long trọng. Đến tháng Giêng năm thứ bốn thời Tống Thái Thỉ, biết rõ thân thể không tốt lành, ngày sắp lìa trần đứng lặng hồi lâu mà hướng về nói rằng: Thấy hoa Trời và hình tượng Thánh Hiền. Trong chốc lát liền từ giả cõi trần, hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi. Thái Tông càng thương tiếc vô cùng, thăm hỏi ban tặng rất nồng hậu, công khanh hội tụ lo việc mai táng đều đau buồn ngậm ngùi làm sao.

19. Thời nhà Tề ở núi Linh Uyển vùng Tiền Đường có Sa môn Thích Đàm Siêu, họ Trương người gốc Thanh Hà, thân hình cao tám thước, dung mạo và cử chỉ dễ nhìn, chỉ ăn cơm rau mặc áo vải như người bình thường mà thôi. Ban đầu ở chùa Long Hoa chốn kinh đô, cuối thời

Nguyên Gia đi về phía Nam mới hứng thú với chuyện ngắm nhìn sông núi khắp nơi, ở một mình dưới gốc cây hổ đến bên cạnh mà không làm hại. Trong thời Đại Minh trở về kinh đô. Đến lúc Tề Thái Tổ lên ngôi, được sắc lệnh đi đến Liêu Đông hoàng dương xiển bày Thiên đạo, dừng lại nơi ấy hai năm thực hiện mở rộng giáo pháp cảm hóa. Cuối thời Kiến Nguyên trở lại kinh đô. Chẳng mấy chốc lại đi đến núi Linh Uyển ở vùng Tiên Đường, mỗi một lần nhập thiền thì nhiều ngày không đứng dậy. Sau đó bỗng nhiên nghe tiếng bão tố và sấm sét có một người cầm thẻ bài mà tiến tới, xưng là Trầm Thông trấn giữ ngọn núi này; lát sau có một người đi đến, hình dáng rất đoan chánh cầm quạt lông chim phe phẩy liên tục, đến chỗ ngồi lễ lạy cung kính tự xưng là đệ tử, ở cách đây bảy dặm cai quản toàn bộ vùng này, nhờ Pháp sư đến cho nên phải đến mở rộng ra để kèm chế, người huyện Phú Dương vốn vào mùa Đông đào dưới chân núi làm gạch, xâm phạm phá hỏng chỗ ở của rồng, các rồng đều tức giận làm cho ba trăm ngày không mưa, nay đã hơn một trăm ngày, giếng hồ khô cạn đất gieo trồng không làm được, Pháp sư đã là bậc đạo đức thần thông, muốn nương nhờ làm cho hủy bỏ việc làm trước đây, chắc chắn có thể cảm ứng khiến cho muôn dân được thấm nhuần ân huệ, công lao có chỗ quay về vậy. Đàm Siêu nói: Mây cuộn mưa tuôn vốn là khả năng của đàn việt, bản đạo có năng lực gì đâu? Thần nói: Phần đệ tử chỉ có thể dấy lên mây mù chứ không có năng lực làm cho mưa tuôn, vì vậy cho nên thỉnh cầu nhau mà thôi. Liền nhận lời như vậy. Thần vui mừng mà đi. Đàm Siêu bèn đi về phía Nam, trải qua năm trăm dặm đến núi Xích Đình, từ xa chú nguyện thuyết pháp cho rồng. Đến đêm bảy rồng đều hóa làm người, đi đến chỗ Đàm Siêu để lễ lạy. Đàm Siêu lại thuyết pháp, nhân đó cầu xin pháp Tam Quy, tự xưng là rồng. Đàm Siêu đề nghị rồng tuôn mưa, thế là nhìn nhau không nói. Đêm ấy lại cho Đàm Siêu và nói rằng: Vốn vì tức giận mà lập lời thề, Pháp sư đã dẫn dắt theo điều thiện, nhất định là không dám trái mạng lệnh, giờ Thân ngày mai chắc chắn sẽ tuôn mưa. Sáng sớm Đàm Siêu lập tức đi đến chùa Lâm Tuyền, sai người báo cho huyện lệnh, lo liệu thuyền bè ở giữa sông, đọc tụng kinh Hải Long Vương. Huyện lệnh liền thỉnh Tăng lên thuyền bắt đầu trôi nổi trên sông, đọc kinh vừa mới kết thúc, tức thì mây cuộn lên trút xuống mưa lớn, cao thấp đều đầy đủ, năm ấy dân chúng được mùa no đủ. Đàm Siêu qua đời vào năm thứ mười thời Tề Vĩnh Minh, hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi.

Năm chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

20. Thời nhà Lương có chùa An Quốc ở làng Đồng Hạ-xã Đô-

huyện Mạt Lăng, chùa bắt đầu xây dựng vào năm thứ 9 thời Tề Vĩnh Minh, có một pho tượng bằng vàng pha đồng, cao sáu tấc năm phân. Vào ngày mồng tám tháng hai năm thứ sáu thời Lương Thiên Giám, ở trong gian thứ ba đầu phòng phía Bắc ở phía Đông chùa, bỗng nhiên nghe tiếng âm nhạc, sau đó phía trước giường trong phòng của phòng chủ Dược Vương ni cư trú, luôn luôn có ánh sáng chiếu rọi khắp nhà. Đến ngày hai mươi ba, ở nơi ánh sáng phát ra bỗng nhiên có dòng suối tuôn chảy, vẫn thấy pho tượng này theo dòng nước mà hiện ra. Xa gần kinh hãi đến xem đều sanh tâm tùy hỷ. Dòng suối đã không cạn, bèn xây gạch làm giếng, giếng nay hãy còn.

Chuyện trên đây xem trong Lương Kinh Tự Ký.

21. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Không Tạng, đến niên hiệu Trinh Quán cư trú trong chùa Hội Xương ở kinh sư, tụng kinh hơn ba trăm quyển, thuyết pháp giáo hóa làm sự nghiệp, đi lại khắp mọi nơi, nơi nào có duyên thì đến. Xưa kia ở núi Phụ vùng Lam Điền, đã tụng kinh được người tặng cho sáu thăng bột, nghĩ rằng làm lương thực trong sáu tháng, thế là trải qua thời gian ba năm ăn hết hai thăng, hãy còn không thể hết được. Lại cảm được cái đỉnh thần thông biết từ đâu xuất hiện. Lúc đến chùa Ngọc Tuyền, cho rằng nơi này là cuối cùng vậy. Lúc ấy trải qua hạn hán lớn nên suối khô cạn, cả chùa sắp phải phân tán, không Tạng bèn chí tâm cầu thỉnh, dòng suối liền lập tức tuôn tràn, Trời mưa dầm dề, đạo tục xúc động vô cùng, kinh ngạc ca ngợi mãi không thôi. Đến năm thứ 16 thời Trinh Quán, qua đời tại chùa Hội Xương, đưa về an táng nơi núi.

22. Thời nhà Đường ở chùa Quang Phước vùng Tương Châu có Sa môn Thích Tuệ Tuyền, họ Đổng Thị, sở trường thông suốt Tam luận Niết-bàn, tục thứ Trang lão đã rõ ràng thấu suốt, từ đó danh tiếng vang lừng vùng Hán Nam. Đến năm thứ hai mươi ba thời Trinh Quán thì giảng kinh Niết-bàn. Đêm mồng tám tháng tư Sơn thần báo cho biết rằng: Pháp sư nhanh chóng xây dựng nhà cửa, không bao lâu sẽ sanh về Tây phương. Đến ngày mười bốn tháng bảy giảng kinh Bồn xong, thu tay lại nói rằng: Sống thường tín thí, nay cần phải buông bỏ tất cả không sót mảy may, trên thì cúng dường đưa vào chúng Tăng mười phương, dưới thì giúp cho người xin ăn cô quạnh khổ cùng và các đạo khác. Nói xong mà lìa trần ngay nơi pháp tòa, hưởng thọ bảy mươi chín tuổi. Ban đầu trú tại chùa Quan Phước ở trên đỉnh núi, vì công việc mức nước dưới khe lên thật là vất vả, muốn chuyển đến chùa khác, đêm thấy người thần, thân cào một trượng, mặc áo ài màu tím, đánh lễ Tuệ



Tuyên và nói rằng: Phụng thỉnh trú lại nơi này thường giảng kinh Đại thừa, đừng lấy Tiểu Thừa làm suy nghĩ! Kinh Tiểu Thừa ấy, cũng như núi cao không có nước, không thể nào lợi ích cho người. Kinh Đại thừa thì giống như biển rộng. Đương nhiên chỉ có núi này, nhiều Đức Phật đã xuất thế tại đây, một người đọc tụng giảng thuyết kinh điển Đại thừa, có thể khiến cho nơi cư trú có nhiều trân bảo – ánh sáng, quyến thuộc hưng thịnh hẳn lên, đồ ăn thức uống dồi dào thêm. Nếu có kinh điển Tiểu Thừa thì những sự việc trước mất đi. Chỉ nguyện giữ gìn làm cho lớn mạnh chứ đừng để hy vọng của mình lẻ loi, chùa trên đỉnh núi này trước đây không có nước có thể được. Sơn thần nói: Pháp sư cần nước thì điều này dễ dàng có thể được, ngày mồng 8 tháng sau chắc chắn sẽ có được, tự tôi đi đến dòng suối lớn ở núi Từ mẫu – Kiếm Nam, thỉnh một Long Vương đến. Nói xong rồi thì không thấy nữa. Đúng lúc vào đầu đêm của ngày mồng bảy tháng sau, gió mạnh bất ngờ nổi lên từ phía Tây Nam đến, sấm chớp vang rền mưa tuôn ào ào dưới miếu Hán Cao phía Bắc chùa sau điện Phật khoảng chừng một trăm bước, liên tục suốt đêm, đến sáng mới dừng lại. Chỉ thấy dòng suối trong xanh thơm ngát mà lại ngọt ngào, tất cả mọi người đều vui mừng, và chỉ có dòng suối của rồng trước kia cư trú tại đây dần dần cạn khô. Dựa vào đây để làm linh nghiệm, thật sự là điều cảm ứng vô cùng kỳ lạ. (Ba chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện).

-----

**Thiên thứ 72: VIÊN QUẢ** (vườn cây hoa quả).

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Thụ quả, Tồn thương, Chứng tử.

**Phần thứ nhất: THUẬT Ý.**

Trộm nghĩ rằng: Vườn trúc ở Vương Xá là nơi dựa vào để kinh hành, hang đá ở Linh Sơn là chốn nương tựa để tọa thiền, trú xứ thanh tịnh khắp cả mười phương, Từ bi giáo hóa thông cả ba cõi. Vì lẽ đó truy tìm lâu xa về Tu Đạt, ngưỡng mộ vô cùng với Am La, tôn sùng nhân tố vô tận, tạo nên xứ sở bất hoại, phát tâm kính trọng ngưỡng mộ, phước hưởng đến cửa huyền diệu, khởi niệm cung kính khác thường, nghiệp hết nước sôi than nóng. Vì vậy nhìn thấy thì phát tâm, gặp nhau thì quên trở về, thêm phước sinh thiện căn, gọi là chốn Già lam. Nếu có tâm chân thành tạo tác, dù nhỏ mà được phước bao la, huống là đối với to lớn ư? Nếu dấy tâm giả dối tu tạo, tuy lớn nhưng được phước nhỏ nhoi, huống là đối với nhỏ bé ư? Vì vậy người thực hành, nếu như mong muốn tạo tác, thì cần phải dựa vào pháp, không được gian trá giả dối!

**Phần thứ hai: DẪN CHỨNG**

Như trong kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: “Trong các Già lam Tăng, thì Già lam Tăng ở vườn trúc, là nơi bắt đầu sớm nhất”. Lại trong kinh này nói: “Trưởng giả Ca Lam Đà ở nước La Duyệt Kỳ tâm niệm rằng: Đáng tiếc khu vườn của mình bố thí cho ngoại đạo Ni Kiền, nếu Đức Phật đến trước thì đã dâng cúng Đức Phật và chúng Tăng! Hối hận sự bố thí trước đây cứ canh cánh trong lòng coi như vứt bỏ. Tướng quân Đại quý, tên gọi là Bán Sư, biết được tâm niệm ấy liền triệu tập các Dạ xoa xua đuổi ngoại đạo Ni Kiền, lỏa lồ thân hình không có liêm sỉ thì không nên ở nơi này. Ngoại đạo Ni Kiền kinh sợ lập tức bỏ chạy không dám ở lại. Trưởng giả hoan hỷ, lo việc xây dựng tinh xá cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.”

Còn trong kinh Bồ-tát Tạng nói: “Này A Nan! Nay Ta ở trong vườn trúc này chuyển vận kinh Bồ-tát Tạng này là chuyển luân bất thối, đoạn trừ tất cả nghi ngờ của chúng sinh. Này A Nan! Chư Phật quá khứ cũng đều ở tại hư không của phạm vi vùng này mà thuyết về kinh Bồ-tát Tạng. Này A Nan! Hết thấy chúng sanh mang tâm trạng tham sân si, đi vào vườn trúc này thì tham sân si không phát khởi. Các loài chim bay vào không đúng lúc thì không hót. Đại vương Bình Sa cùng với các thể nữ, đi vào trong vườn này cùng nhau chơi đùa vui vẻ, tự cảm thấy

không còn tham muốn, các thể nữ cũng như vậy. Lúc nhà vua hoan hỷ đã từng dấy khởi ý niệm như vậy: Nguyên thế gian có Phật, sẽ đem khu vườn dâng lên cúng dường Đức Phật, Đức Phật an trú trong đó, mình sẽ được nghe pháp. Tại vì sao? Bởi vì cúng dường thích hợp, thuận theo an trú trong vườn này, chứ không phải là người đắm say năm dục mà tùy ý an trú được. Vườn này không có sâu bọ rắn rít ruồi muỗi và các loài có nọc độc. Nếu cư trú trong đó thì không còn tâm niệm hiểm độc nữa, đây cũng là công đức bất cộng của vườn trúc.”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu có chúng sanh với tín tâm thanh tịnh, đem đất đai vườn rừng giúp cho chúng Tăng, để cho Tăng tiếp nhận sử dụng, thì sau khi mạng chung đến cõi trời Kiên-đà-la, Thiên nữ vây quanh hưởng thụ vui sướng an nhàn gấp trăm lần. Nếu có chúng sanh dùng ý thiện tu tập, vì ngăn chặn sự lạnh lẽo nóng tức mà tạo tác nhà cửa phóng ốc để cứu trợ, khiến cho người khác tiếp nhận sử dụng, thì sau khi mạng chung sanh đến cõi trời Thường Tứ Ý, năm dục tự nhiên vui sướng; từ cõi trời mạng chung, nếu được làm thân người, thì trở thành Đại sư của nhà vua”.

**Phần thứ ba: THỤ QUẢ** (quả cây).

Như luận Lập Thế A Tỳ Đàm nói: “Cây Diêm Phù, loài cây này mọc ở phía Bắc của cõi Diêm Phù Đề, nằm ở bờ Nam của sông Nê Dân Đà La, gốc cây của cây này nằm chính giữa trung tâm của châu lục, từ trung tâm của gốc cây lấy theo góc Đông-Tây, cùng là một ngàn do tuần. Cây này sanh trưởng đầy đủ, hình dáng rất đẹp với cành lá che phủ lẫn nhau, tồn tại lâu dài không tàn lụi, tất cả các loại gió- mưa không thể nào xâm nhập được, theo thứ tự che phủ nhau cao đến một trăm do tuần. Dưới gốc to lớn bằng phẳng cũng không có u mắt sần sùi, năm mươi do tuần mới có một nhánh cây. Thân cây cắt ngang rộng năm do tuần, vòng quanh 1 năm do tuần. Mỗi một cành cây ấy vươn ngang ra năm mươi do tuần, phần giữa kéo dài liên tục là một trăm do tuần, vòng quanh là ba trăm do tuần. Quả của cây đó có vị ngọt thơm không gì sánh bằng, như mật ong tinh tế vô cùng. Quả cây lớn bằng chiếc vò, hạt của quả cây lớn bằng hạt cây Diêm Phù của thế gian. Trên hạt ấy có hình dáng của chim thú. cành phía Đông-Tây sinh ra quả, phần nhiều rụng xuống cõi Diêm Phù Đề, có một số rơi xuống nước. Quả trên cành phía Nam đều rơi xuống cõi Diêm Phù Đề, quả trên cành phía Bắc đều rụng xuống giữa dòng sông bị cá ăn hết. Rễ cây đều là cát vàng ròng che phủ, đang lúc mùa xuân mưa xuống thì phía dưới không dột ướt, mùa

Hạ thì không nóng nực, mùa Đông không có gió lạnh, Càn Thát Bà và thần Dược Xoa dựa vào dưới tán cây mà ở.

Sự việc như vậy làm sao biết được? Xưa trong thành Vương Xá có hai Tỳ kheo, vốn có sức mạnh thần thông, cùng làm bạn bè với nhau, nhìn thấy cây ấy liền đến nơi cây, trông thấy quả cây chín muồi rơi trên mặt đất, tự bỏ ra một quả, Tỳ kheo từ lỗ hổng của cuống dò tay đến vỏ bọc, ngón tay dài nhất hầy còn không chạm đến hạt, bèn kéo tay ra, bỏ quả làm cho vấy bẩn, móng tay đều đỏ, mùi thơm của quả ấy có thể nhiễm vào tâm người, mũi người thấy hương thơm của quả. Tỳ kheo thứ hai hỏi rằng: Ông muốn ăn không? Đáp rằng: Trưởng lão ơi, tôi không thích ăn.

Sự việc này là có điều không thể nghĩ bàn được, chính là lia bỏ kiết sử của tham dục thật là rộng lớn. Tại vì sao? Bởi vì nếu như người chưa lia bỏ tham dục mà người thấy hương thơm này, thì phát sinh tâm khí, thế là phát ra điên cuồng. Có những người khác đã lia bỏ tham dục nếu người thấy hương thơm này, thì thối thất phần vị lia bỏ tham dục.

Hai Tỳ kheo này trở về thành Vương Xá nói rõ sự việc như trên. Lúc ấy có một người, tên là Trường Kính, vốn là dòng dõi vua chúa, họ Câu-lợi-thị, quả báo túc nghiệp đã đạt được thần thông, như đi trong nước chân trước chưa chìm thì chân sau đã di chuyển; hoặc đi trên lá cỏ, cỏ tuy chưa rạp xuống, mà đã có thể di chuyển bước chân. Người này từ Đức Phật nghe nói đến cây này, liền thưa với Đức Phật rằng: Nay con đi đến cây Diêm Phù được không? Đáp rằng: Có thể đến được. Người này lễ Đức Phật rồi hướng về phía Bắc mà đi, vượt qua các núi đi trải qua bảy vùng núi. Vùng núi thứ bảy gọi là núi Kim Biên, leo lên đỉnh núi hướng về phía Bắc, đứng thẳng người trông về phía xa, chỉ thấy tối đen, sợ hãi mà quay về. Đức Phật hỏi: ông đến nơi cây Diêm Phù rồi phải không? Thưa rằng: Không thể đến được. Đức Phật hỏi: Ông đã trông thấy điều gì? Thưa rằng: Chỉ nhìn thấy tối đen. Đức Phật dạy: Màu sắc tối đen ấy chính là cây Diêm Phù. Người này tôn kính lạy sát chân Đức Phật, đi vòng về phía bên phải ba vòng, tiếp tục hướng về phía Bắc mà đi, lại vượt qua bảy vùng núi trước đây, tiếp tục vượt qua bảy vùng núi sau, còn vượt qua sáu nước lớn, lại vượt qua bảy rừng cây lớn, trong rừng có bảy dòng sông, vượt qua bảy dòng sông này, lại vượt qua khu rừng A-ma-la và rừng Ha-lê-lặc, cho đến cảnh phía Nam của cây Diêm Phù. Từ trên cảnh phía Nam đi đến cảnh phía Bắc, người này cúi đầu trộm nhìn xuống dưới, tướng trạng của nước khác nhau so với nước bình thường, trong veo thấu đáy cũng không có gì chướng ngại. Người này

tư duy: Thần thông của mình nay ở tại nơi này có được thành tựu hay không? Nhân đó đặt chân đi trên nước, tay bám vào cành cây, chân người này chạm đến mặt nước giống như hòn đá lập tức chìm xuống, đối với thần thông thì ở nơi này không thể thành tựu. Nước ở đây nhẹ nhàng tinh tế giống như bơ dầu nổi ở trên mặt nước. Nếu lấy nước nơi này rót vào nước ở nơi kia, thì chìm xuống như đá nặng. Người này lấy một quả cây, đem về dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Phật nhận lấy quả này, tách ra làm nhiều mảnh, đưa cho các Đại chúng. Nước của quả cây dính vào tay Đức Phật, Đức Phật dùng tay này đánh vào núi đá, cho đến bây giờ màu đỏ vẫn còn như xưa không khác, ẩm ướt cũng không khô, dấu bàn tay rõ ràng. Bởi vì ngày xưa phân chia quả cây làm từng mảnh, cho nên nhân đó gọi tên núi đá này là núi Phiến Phiến. Lúc ấy Đức Phật hóa độ Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, cũng lấy quả này đưa cho Ca Diếp. Phía ngoài cây Diêm Phù này có hai khu rừng, hình dạng giống như một nửa vàng trắng, vòng xung quanh cây này; bên trong có khu rừng, tên là Ha-lê-lặc, khu rừng phía ngoài tên là A-ma-lặc, quả cây này lúc chín có mùi vị rất tuyệt vời không cay không đắng, như mật ong tinh tế vô cùng, hình dạng của quả lớn nhỏ bằng hai cái Học đựng đồ. Phía Nam khu rừng A Ma Lặc lại có bảy khu rừng, bảy dòng sông đan xen nhau, khu rừng đầu tiên về phía Bắc tên gọi Am-la, thứ hai tên gọi Diêm Phù, thứ ba tên gọi Sa-la, thứ tư tên gọi Đa-la, thứ năm tên gọi Nhân-lâm, thứ sáu tên gọi Thách-lự-lâm, thứ bảy tên gọi Kiếp-tát-tha-lâm. Các loại quả như vậy không cay không đắng, ngọt ngào như mật ong. Quả trong khu Nhân Lâm này có hình thể giống như con người. Nếu người xa lìa tham dục ăn quả cây này, thì thiên định bị thối thất. Phía Nam khu Kiếp-tát-tha-lâm có sáu nước lớn, nước đầu tiên về phía Nam tên gọi Cao-lưu, thứ hai tên gọi Câu-lạp-bà, thứ ba tên gọi Tỳ-đề-ha, thứ tư tên gọi Ma-ha-tỳ-đề-ha, thứ năm tên gọi Uất-đa-la-man-đa, thứ sáu ở cực Bắc tên gọi Xả-hỷ-la-da. Người trong sáu nước này đều trung trinh lương thiện giữ gìn mười thiện pháp. Thú vật ở nơi ấy tự nhiên chết đi, tự tìm đến nơi ở của con người, con người mới ăn thịt của chúng. Loại trâu đen ở nơi này có số lượng nhiều nhất, lấy lông đuôi của chúng dùng để che chắn nhà cửa. Đất đai ở đó sản sinh thóc lúa không cần phải cày bừa canh tác, thóc lúa này chín muồi rồi không có tấm cám vỏ trấu, người dân nước này xoay nhuyễn hấp lên làm cơm ăn, thóc lúa ấy mùi thơm vị ngọt như mật.”

Còn trong kinh Trường A Hàm nói: “Sở dĩ gọi là Diêm Phù Đề, là bởi vì phía dưới có núi vàng, cao ba mươi do tuần, dựa vào cây Diêm

Phù, cho nên được gọi là vàng Diêm Phù – cây Diêm Phù. Quả cây ấy bằng cái giỏ, mùi vị ấy như mật ngọt, cây có năm cành lớn, bốn phía cành-phía trên có một cành. Quả ở cành phía Đông cây ấy là thức ăn của Càn-thát-hòa. Quả ở cành phía Nam cây ấy là thức ăn của người trong bảy nước, một gọi là nước Câu-lâu, hai gọi là nước Câu-la-bà, ba gọi là nước Tỳ-đề, bốn gọi là nước Thiện-tỳ-đề, năm gọi là nước Mạn-đà, sáu gọi là nước Ba-la, bảy gọi là nước Bà-lê. Quả ở cành phía Tây cây ấy là thức ăn của loài trùng biển. Quả ở cành phía Bắc cây ấy là thức ăn của các loài cầm thú. quả của cành phía trên là thức ăn của cõi trời Tinh Tú.”

Còn trong kinh Trung A Hàm nói: “Thời quá khứ loài người Diêm Phù Đề thọ đến tám vạn năm, có vị Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, tên gọi Cao-la-bà-vương, có loài cây tên gọi Thiện-trú-ni-câu-loại-vương, mà lại có năm cành. Quả ở cành thứ nhất là thức ăn của vua và hoàng hậu, quả ở cành thứ hai là thức ăn của Thái tử và các quan, quả ở cành thứ ba là thức ăn của nhân dân trong nước, quả ở cành thứ tư là thức ăn của Sa môn-Phạm chí, quả ở cành thứ năm là thức ăn của các loại cầm thú. quả của cây Ni-lâu-loại-vương lớn bằng hai thặng, mùi vị giống như viên thuốc mật ngọt. Cây ấy không có người bảo vệ, cũng không có ai tự mình hái trộm. Có một người đi đến vì đói khát vô cùng mà ngửi thấy hương thơm này, thì phát sinh tâm khởi, thế là phát ra điên cuồng. Có những người khác đã lia bỏ tham dục nếu ngửi thấy hương thơm này, thì thối thất phần vị lia bỏ tham dục.

Hai Tỳ kheo này trở về thành Vương Xá nói rõ sự việc như trên. Lúc ấy có một người, tên là Trường Kính, vốn là dòng dõi vua chúa, họ Câu-lợi-thị, quả báo túc nghiệp đã đạt được thần thông, như đi trong nước chân trước chưa chìm thì chân sau đã di chuyển; hoặc đi trên lá cỏ, cỏ tuy chưa rạp xuống, mà đã có thể di chuyển bước chân. Người này từ Đức Phật nghe nói đến cây này, liền thưa với Đức Phật rằng: Nay con đi đến cây Diêm Phù được không? Đáp rằng: Có thể đến được. Người này lễ Đức Phật rồi hướng về phía Bắc mà đi, vượt qua các núi trải qua bảy vùng núi. Vùng núi thứ 7 gọi là núi Kim Biên, leo lên đỉnh núi hướng về phía Bắc, đứng thẳng người trôn g về phía xa, chỉ thấy tối đen, sợ hãi mà quay về. Đức Phật hỏi: Ông đến nơi cây Diêm Phù Đề rồi phải không? Thưa rằng: Không thể đến được. Đức Phật hỏi: Ông đã không thấy điều gì? Thưa rằng: Chỉ nhìn thấy tối đen. Đức Phật dạy: Màu sắc tối đen ấy chính là cây Diêm Phù. Người này tôn kính lạy sát chân Đức Phật, đi vòng về phía bên phải ba vòng, tiếp tục hướng về

phía Bắc mà đi, lại vượt qua bảy vùng núi trước đây, tiếp tục vượt qua bảy vùng núi sau, còn vượt qua sáu nước lớn, lại vượt qua bảy rừng cây lớn, trong rừng có bảy dòng sông rộng, vượt qua bảy dòng sông này, lại vượt qua khu rừng A-ma-la và rừng Ha-lê-lặc, cho đến cảnh phía Nam của cây Diêm Phù. Từ trên cảnh phía Nam đi đến cảnh phía Bắc, người này cúi đầu trộm nhìn xuống dưới, tướng trạng của nước khác nhau so với nước bình thường, trong veo thấu đáy cũng không có gì chướng ngại. Người này tư duy: Thần thông của mình nay ở tại nơi này có được thành tựu hay không? Nhân đó đặt chân đi trên nước, tay bám vào cành cây, chân người này chạm đến mặt nước giống nhau như hòn đá lập tức chìm xuống, đối với thần thông thì ở nơi này không thể thành tựu. Nước ở đây nhẹ nhàng tinh tế giống như bơ dầu nổi ở trên mặt nước. Nếu lấy nước nơi này rót vào nước ở nơi kia, thì chìm xuống như đá nặng. Người này lấy một quả cây, đem về dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Phật nhận lấy quả này, tách ra làm nhiều mảnh, đưa cho các Đại chúng. Nước của cây dính vào tay Đức Phật, Đức Phật dùng tay này đánh vào núi đá, cho đến bây giờ màu đỏ vẫn còn như xưa không khác, ẩm ướt cũng không khô, dấu bàn tay rõ ràng. Bởi vì ngày xưa phân chia quả cây làm từng mảnh, cho nên nhân đó gọi tên núi đá này là núi Phiến Phiên. Lúc ấy Đức Phật hóa độ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, cũng lấy quả này đưa cho Ca-diếp. Phía ngoài cây Diêm Phù này có hai khu rừng, hình dạng giống như một vầng trăng, vòng xung quanh cây này; bên trong có khu rừng, tên là Ha-lê-lặc, khu rừng phía ngoài tên là A-ma-lặc, quả cây này lúc chín có mùi vị rất tuyệt vời, không cay không đắng, như mật ong tinh tế vô cùng, hình dạng của quả lớn nhỏ bằng hai cái Hộc đựng đồ. Phía Nam khu rừng A-ma-lặc lại có bảy khu rừng, bảy dòng sông đan xen nhau, khu rừng đầu tiên phía Bắc tên gọi Am-la, thứ hai tên gọi Diêm Phù, thứ ba tên gọi Sa-la, thứ tư tên gọi Đa-la, thứ năm tên gọi Nhân-lâm, thứ sáu tên gọi Thạch-lự-lâm, thứ bảy tên gọi Kiếp-tất-tha-lâm. Các loại quả như vậy không cay không đắng, ngọt ngào như mật ong. Quả trong khu Nhân Lâm này có hình thể giống như con người. Nếu người xa lìa tham dục ăn quả cây này, thì thiên định bị thối thất. Phía Nam khu Kiếp-tất-tha-lâm có sáu nước lớn, nước đầu tiên về phía Nam tên gọi Cao-lưu, thứ hai tên gọi Câu-lạp-bà, thứ ba tên gọi Tỳ-đề-ha, thứ tư tên gọi Ma-ha-tỳ-đề-ha, thứ năm tên gọi Uất-đa-la-man-đà, thứ sáu ở cực Bắc tên gọi Xả-hỷ-ma-la-da. Người trong sáu nước này đều trung trinh lương thiện giữ gìn mười thiện pháp. Thú vật ở nơi ấy tự nhiên đi, tự tìm đến nơi ở của con người, con người mới ăn thịt của chúng. Loài

trâu đen ở nơi này có số lượng nhiều nhất, lấy lông đuôi của chúng dùng để che chắn nhà cửa. Đất đai ở đó sản sinh thóc lúa không cần phải cày bừa canh tác, thóc lúa này chín muồi rồi không có tấm cám hya vỏ trấu, người dân nước này xay nhuyễn hất lên làm cơm ăn, thóc lúa ấy mùi thơm vị ngọt như mật.”

Còn trong kinh Trường A Hàm nói: “Sở dĩ gọi là Diêm Phù Đề, là bởi vì phía dưới có núi vàng, cao ba mươi do tuần, dựa vào cây Diêm Phù, cho nên được gọi là vàng Diêm Phù – cây Diêm Phù. Quả cây ấy bằng cái giỏ, mùi vị ấy như mật ngọt, cây có năm cành lớn, bốn phía có bốn cành-phía trên có một cành. Quả ở cành phía Đông cây ấy là thức ăn của Càn-thát-hòa. Quả ở cành phía Nam cây ấy là thức ăn của người trong bảy nước, một gọi là nước Câu-lâu, hai gọi là nước Câu-la-bà, ba gọi là nước Tỳ-đề, bốn gọi là nước Thiện-tỳ-đề, năm gọi là nước Mạn-đà, sáu gọi là nước Bà-la, bảy gọi là nước Bà-lê. Quả ở cành phía Tây cây ấy là thức ăn của loài trùng biển. Quả ở cành phía Bắc cây ấy là thức ăn của các loài cầm thú. quả của cành phía trên là thức ăn của cõi trời Tinh Tú.”

Còn trong kinh Trung A-hàm nói: “Thời quá khứ loài người Diêm Phù Đề thọ đến tám vạn năm, có vị Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, tên gọi Cao-la-bà vương, có loài cây tên gọi Thiện Trú Ni Câu Loại Vương, mà lại có năm cành. Quả ở cành thứ nhất là thức ăn của vua và hoàng hậu, quả ở cành thứ hai là thức ăn của Thái Tử và các quan, quả ở cành thứ ba là thức ăn của nhân dân trong nước, quả ở cành thứ tư là thức ăn của Sa môn-Phạm chí, quả ở cành thứ năm là thức ăn của các loại cầm thú. quả của cây Ni Câu Loại Vương lớn bằng chiếc hai Thăng, mùi vị giống như viên thuốc nhào mật ngọt. Cây ấy không có người bảo vệ, cũng không ai tự mình hái trộm. Có một người đi đến vì đói khát vô cùng gây yếu, nhan sắc tiêu tụy muốn được ăn quả cây, đi đến nơi cây chứa mà ăn quả no bụng rồi, làm gãy cành cây lấy quả đi về. Cây Ni Câu Loại Vương có một Thiên thần dựa vào đó mà cư trú, vị ấy dấy lên ý niệm như vậy: Người trong châu Diêm Phù lạ lùng thay, không có ân tình không có đền đáp gì cả, mình thà rằng khiến cho cây không có quả thì không sinh ra quả nữa. Lại có một người đói khát vô cùng gây yếu muốn có được quả để ăn, đi đến nơi cây, thấy cây không có quả, liền đi đến chỗ vua Cao-la-bà, thưa rằng: Thiên Vương nên biết, cây chứa Thiện Trú Ni Câu Loại không có quả. Nhà vua nghe xong như lực sĩ trong khoảng co duỗi cánh tay, đến cõi trời Tan Thập Tam đứng trước Đế Thích, thưa rằng: Câu Dực nên biết, cây chứa Ni Câu Loại



không sinh ra quả. Ngay sau đó Đế Thích và vua Cao-la-bà, như lực sĩ trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay, đến nơi cây Thiện Trú Ni Câu Loại, đứng cách đó không xa, hóa làm dòng sông lớn gió mưa ào ào xảy ra rồi, nhổ gốc dựng ngược lên. Thế là vị Thiên thần cư trú nơi cành của cây chúa, vì nguyên cớ này mà ưu sầu khổ sở, đứng trước Đế Thích nước mắt tuôn chảy giàn giụa. Đế Thích hỏi rằng: Ý gì mà đau lòng rơi nước mắt? Vị Thiên thần ấy thưa rằng: Nên biết là nước ngập gió mưa ào ào nổi lên nhổ bật gốc cây rồi, mong sao cây chúa Thiện trú Ni Câu Loại trở lại như cũ! Ngay sau đó Thiên Đế lại hóa làm mưa ào ào trút nước ngập lại láng như cũ! Ngay sau đó Thiên Đế lại hóa làm mưa ào ào trút nước ngập lại láng rồi, khiến cho cây chúa Ni Câu Loại lập tức trở lại như cũ.”

Còn trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Trên đỉnh Tuyết Sơn có cây Dược Vương, gọi là không từ rễ sinh ra cũng không phải là không từ rễ sinh ra, dọc ngang sáu trăm tám mươi vạn do tuần, phần dưới cùng đến phạm vi của tầng Kim Cang. Lúc cây này sinh ra rễ, thì tất cả các loài cây ở cõi Diêm Phù mộc rễ. Nếu lúc thân mọc lên và lúc có cành lá hoa quả, thì tất cả các loài cây ở cõi Diêm Phù Đê đều sinh ra cành là hoa quả. Rễ cây ấy có thể sinh ra thân, thân có thể sinh ra rễ, vì vậy gọi là không từ rễ sinh ra cũng không phải là không từ rễ sinh ra. Cây này ở tất cả mọi nơi đều có thể sinh trưởng, chỉ trừ ở trong địa ngục - hố sâu và vùng nước, thì không sinh trưởng được mà thôi.”

Còn trong kinh Tạp A-hàm nói: “Xưa có vị vua tên là Câu Lạp, trong đất nước có loài cây tên là Tu-ba-đề-hoàn, chu vi năm trăm sáu mươi dặm, phần cuối gốc vòng quanh tám trăm bốn mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành phân ra bốn phía vòng quanh hai ngàn dặm. Cây có năm quả, đường có năm phía, phía thứ nhất là quả dành cho Quốc Vương và các cung phi nữ nữ trong cung cùng ăn, phía thứ hai là quả dành cho Đại thần và các quan cùng ăn, phía thứ ba là quả dành cho nhân dân cùng ăn, phía thứ tư là quả dành cho các vị Thích tử-Đạo sĩ cùng ăn, phía thứ năm là quả dành cho các loài chim chóc cầm thú cùng ăn. Quả giống như cái bình một Thăng, vị ngọt như mật, cây không có người nào canh giữ, quả phân chia không xâm phạm lẫn nhau. Lúc ấy con người thọ tám mươi bốn ngàn năm, có chín loại bệnh, đó là: 1/ Lạnh; 2/ Nóng; 3/ Đói; 4/ Khát; 5/ Đại tiện; 6/ Tiểu tiện; 7/ Ái dục; 8/ Ăn nhiều; 9/ Tuổi già. Người nữ năm năm trăm tuổi, lúc ấy mới đi lấy chồng (Đây là giống như thời Đức Phật Di Lạc xuất thế),”

**Thứ tư- PHẦN TÔN THƯƠNG**

Như luật Tăng Kỳ nói: “Thời Đức Phật tại thế, có Tỳ kheo Xiển-đà, cần cây gỗ làm phòng ốc, có rừng cây Tát-la, liền đến khu rừng chặt cây, mang về sử dụng làm thành phòng ốc. Lúc bấy giờ trong rừng có quỷ thần nương dựa tại rừng này, nói với Xiển-đà rằng: Đừng chặt cây ở đây, làm cho con cái bé nhỏ yếu đuối của tôi, phơi bày giữa mưa gió không có nơi nương nhờ ! Xiển-đà đáp rằng: Quỷ chết lập tức rời xa, đừng ở lại trong này, ai mà thích gặp ông? Thế là vẫn chặt cây. Lúc ấy quỷ thần này liền khóc nỉ non khổ sở, dẫn các con nhỏ đi đến nơi Thế Tôn. Đức Phật biết rõ mà cố ý hỏi: Vì sao ông khóc nỉ non vậy? Thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà chặt cây rừng của con mang về dùng làm phòng ốc, con cái lớn nhỏ của con gặp gió mưa thì phơi bày không nơi nương nhờ, phải nhờ cậy nơi nào? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, vì quỷ thần này, tùy thuận thuyết pháp cho nghe, buồn lo khổ sở lập tức trừ diệt. Cách chỗ Đức Phật không xa cũng có cây rừng, Đức Thế Tôn chỉ về nơi ấy để đến đó có thể cư trú. Đức Phật trách mắng Xiển-đà rồi khuyên răn các đệ tử rằng: Như Lai cư trú một đêm ở nơi này, hai bên có cây cối và mọi người, thì làm thành tháp miếu, vì vậy thần linh vui mừng đến nhờ cậy, làm sao lại thô lỗ mắng nhiếc họ?”

Còn luật Tứ Phần nói: “ Đức Phật cũng không cho phép chặt cây thần linh cư trú, nếu chặt thì mắc tội Đột kiết la.”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu có chúng sanh trì giới tách rời tà kiến, thấy người chặt phá cây lớn là nơi cư trú của quỷ thần - Dạ xoa, La sát thì người ấy che chở bảo vệ khiến không chặt phá, các quỷ thần này không làm não hại đến người, nhờ vào cây thọ hưởng vui vẻ, không có cây thì khổ sở phiền muộn. Người này mạng chung sanh đến cõi trời Hoan Hỷ, cùng với các Thiên nữ thọ nhận sung sướng vui vẻ; từ cõi trời mạng chung, nếu được làm thân người thì giàu có yên ổn.”

Còn trong kinh Tỳ Ni Mẩu nói: “Có năm loại cây, Tỳ kheo không được chặt phá. Đó là: 1/ Cây Bồ đề; 2/ Cây quỷ thần; 3/ Cây Diêm phù đề; 4/ Cây A-tư đà; 5/ Cây rừng Thi Đà. Nếu Tỳ kheo vì Tam Bảo thì trồng ba loại cây: 1/ Cây ăn trái; 2/ Cây có hoa; 3/ Cây lá. Như vậy chỉ có phước thiện chứ không có lỗi lầm. Có Tỳ kheo an cư trên cây, buộc cây làm giường, thế là không xuống dưới cây, mà ở trên cây đại tiện-tiểu tiện xuống gốc cây. Cây này có con quỷ lớn, tức giận đánh chết Tỳ kheo này. Đức Phật dạy: Từ nay trở đi không cho phép Tỳ kheo an cư trên cây - đại tiện tiểu tiện xuống gốc cây. Có năm loại cây không được chặt

phá: 1/ Cây Bồ đề; 2/ Cây có thần linh; 3/ Cây to giữa đường; 4/ Cây rừng Thi Đà; 5/ Cây Ni Câu Đà. Nếu tháp Phật hư hại, hoặc Già lam Tăng bị hư hoại, vì gỗ bị lửa cháy thì được phép chặt bốn loại, trừ ra cây Bồ đề. Có năm loại cây thích hợp có thể lấy sử dụng: 1/ Lửa đốt cháy; 2/ Rong phun lửa đốt cháy; 3/ Tự nhiên khô héo; 4/ Gió thổi đến; 5/ Nước trôi đến. Những loại cây như vậy thì được tiếp nhận sử dụng.”

### **Thứ năm- PHÂN CHUNG TỬ**

Như kinh Trường A Hàm nói: “Có nhân duyên nào mà thế gian có năm chủng tử? Bởi vì có luồng gió rất hỗn loạn từ thế giới Bất bại thổi chủng tử đến mọc ở nước này. Đó là: 1- Căn tử (rễ); 2- Kinh tử (thân); 3- Tiết tử (cành); 4- Hư trung tử (hoa); 5- Tử tử (hạt). Đây là thế gian có năm chủng tử sinh ra”.

Còn trong kinh Khởi Thế nói: “Có nhân duyên nào mà có năm chủng tử xuất hiện ở thế gian? Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Như ở phương Đông có các thế giới, hoặc là thành rồi hoại, hoặc là hoại rồi thành, hoặc là thành rồi trụ. Phương Nam-Tây-Bắc thành hoại và trụ cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ có luồng gió lớn A Na Tỳ La, xoay chuyển đến thế giới thành-trụ ở phương khác, thổi sáu chủng tử phân tán ra trong thế giới này, phân tán ra rồi tiếp tục phân tán ra, cho đến phân tán ra rất nhiều, đó gọi là Căn tử (rễ)-Kinh tử (thân)-Tiết tử (cành)-Tiếp tử (hoa)-Tử tử (hạt), đây là năm chủng tử. Quả cây Diêm Phù lớn bằng cái vò một Hộc của nước Ma Già Đà. Lúc hái quả ấy thì mủ tuôn theo chảy ra, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Quả cây Diêm Phù tuôn theo nơi sinh ra có năm phần ích lợi; đó là Đông-Nam-tây phương và hai phương Thượng-Hạ. Quả sinh ra ở phía Đông, thì các loài Càn thát bà đều ăn chung. Quả sinh ra ở phía Nam, là nhân dân trong bảy tụ lạc lớn cùng ăn. Như thế nào là bảy tụ lạc lớn? Đó là: 1/ bất chánh khiếu (gọi không đúng); 2/ Khiếu hoán (kêu la); 3/ Bất chánh thể (thể không đúng); 4/ Hiền (tài đức); 5/ Thiện hiền (tài đức tốt lành); 6/ Lao (bền vững); 7/ Thắng (hơn hẳn). Quả sinh ra ở phía Tây, là các loài chim cánh vàng cùng ăn. Quả sinh ra ở phía trên, là Dạ xoa trên hư không đều ăn chung. Quả sinh ra ở phía dưới, là các loài trùng trong biển đều đến lấy làm thức ăn”.

Còn trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Đức Phật dạy: Vùng Tuyết Sơn có loài cây tên gọi Ương Già Đà, quả cây ấy rất lớn, hạt của quả rất nhỏ. Suy tìm về gốc gác của cây thì bắt đầu từ Hương Sơn mà đến, bởi vì sức gió cho nên đến được Tuyết Sơn. Đầu mùa Đông rất lạnh

lẽo, La sát và Dạ xoa ở trong núi quanh co, những nơi có che chắn kín gió, phân dơ bất tịnh thải đầy trên mặt đất, gió mạnh thổi tuyết mà che phủ phía trên, dần dần thành hào sâu năm mươi do tuần. Nhờ vào khả năng của phân dơ cho nên quả này được sinh ra, rễ thân cành lá hoa quả tốt tươi. Vào tháng ba mùa xuân ấm áp, 8 phía cùng lúc thấy đều nổi gió làm cho băng tuyết tan ra, chỉ có cây trái còn lại. Quả cây ấy có hình dạng và màu sắc như quả Diêm Phù Đề, không có gì làm ví dụ được. Hình dạng quả ấy tròn tựa to đến nửa do tuần, Bà-la-môn ăn vào thì đạt được đầy đủ năm loại thần thông của Tiên đạo, thọ mạng trải qua một kiếp, không già cũng không chết. Hàng phàm phu ăn vào, hưởng đến tương lai sẽ đạt được bốn quả Sa môn, ba minh và sáu thần thông thấy đều đầy đủ. Có người mang đến trồng vào đất có phân dơ ở cõi Diêm Phù Đề, sau đó quả là sinh trưởng tốt tươi, cao bằng một cây Đa-la, cây tên là Câu-luật-đà, quả gọi là Đa-lặc, to bằng chiếc bình đựng năm Thăng. Nếu người có ăn được quả ấy, thì có thể trừ được bệnh nóng sốt.”

Còn trong kinh Niết-bàn nói: “Đức Phật dạy: Này người thiện nam! Vùng Tuyết Sơn có loại cỏ, tên gọi là Nhãn Nhục, nếu trâu bò ăn được thì trở thành đề hồ.”

Tụng rằng:

*Kỳ viên cảm uy thần xuất hiện,  
Lộc Uyển hóa Tỳ kheo Câu-lân,  
Thánh nhân cư trú nơi phước địa,  
Hiền sĩ vui với chốn núi non.  
Thoạt nghe hoa ngàn cánh hiện bày,  
Thời thay đổi trăm hoa tươi sáng,  
Cỏ thơm khắp nơi đều tươi tốt,  
Linh Chi sum suê ở trước phòng.  
Hồ tuôn nước tám đức ngọt ngào ,  
Giếng thần kỳ phun chín suối trong,  
Cờ phướn rực rỡ bay phát phới,  
Cảm ứng Tiên nhân bay xuống trần.  
Chim chóc cất tiếng hót líu lo,  
Người hát vang khúc nhạc phước điền,  
Thịnh vượng thay nơi tốt đẹp này,  
Ai trông thấy lòng không lưu luyến!*

### **NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG**

Sơ lược dẫn ra mười hai chuyện: 1. Chu Ân Vương năm thứ 2

mặt đất bỗng nhiên nhô lên; 2- Thời Hạ-Tân-Chu-Hán núi bỗng nhiên biến mất; 3- Thời Hán Ai Đế có cây linh thiêng biến hiện; 4- Hán Kiến Chiêu năm thứ 5 có cây Hòe to lớn biến hiện; 5- Hán Linh Đế có 2 cây Thanh Thất (thầu dầu) biến hiện; 6- Thời nhà Hán niên hiệu Quang Hòa có loại cỏ linh thiêng biến hiện; 7- Thời nhà Tấn niên hiệu Vĩnh Gia có loài chuột ngã ngựa xuất hiện kỳ lạ; 8- Thời Ngô Tiên Chủ có cây linh thiêng xuất hiện hiển hóa; 9- Thời Ngô, Thái thú quận Cảnh có bè gỗ linh thiêng quái lạ; 10- Thời Thái Cổ có người nữ và tấm da ngựa biến thành sâu tằm; 11- Thời Tống có Sa môn Thích Tăng Du sau khi chết ở trong phòng mọc lên hai cây Ngô Đồng; 12- Thời nhà Đường, trong Vương Huyền Sách Tây Quốc Hành Truyện có núi vàng ròng.

1/ Tháng 4 năm thứ 2 thời Chu Ẩn Vương, đất bằng bỗng nhiên nhô lên, dài hơn một tấc, cao một thước năm tấc. Trong Kinh Phòng Dị Yêu nói: Vùng đất dài nhô lên đoán điềm lành dữ theo bốn mùa, Xuân-Hạ thì nhiều điềm lành, Thu-Đông thì nhiều điềm dữ. Quận Lịch Dương trong một đêm chìm xuống đất mà thành đầm nước, nay chính là vùng đầm Ma Hồ, không biết rõ vào thời đại nào. Trong Vận Thăng Khu nói: Luận đến huyện ấp đó thì âm nuốt dương chìm, là điềm tàn sát lẫn nhau vậy.

2/ Thời vua Kiệt triều Hạ, ngọn núi Lệ biến mất. Thời Tần Thủy Hoàng có ba ngọn núi biến mất. Năm thứ 32 thời Chu Hiển Vương, đàn tế thần đất ở Đại Khâu nước Tống biến mất. Cuối thời Hán Chiêu Đế đàn tế thần đất ở huyện Xương vùng Trần Lưu biến mất. Trong Kinh Phòng Dị Truyện nói: Núi âm thầm tự nhiên chuyển dời, là điềm thiên hạ xảy ra binh biến-xã tắc diệt vong. Xưa kia trong vùng Lang Nha-Sơn Âm thuộc quận Cối Kê có ngọn núi Quái, thế gian tương truyền vốn là ngọn núi ở Đông Vũ thuộc vùng Mang Nha. Lúc trời về đêm mưa gió tối tăm mờ mịt, sáng sớm trông thấy ngọn núi này ở nơi ấy rồi, mọi người cảm thấy quái lạ vô cùng, vì vậy gọi là núi Quái. Lúc ấy ngọn núi ở huyện Đông Vũ cũng cùng một đêm tự nhiên mất đi, người nhận ra hình dáng của ngọn núi, mới biết là ngọn núi nơi ấy chuyển dời đến đây. Nay dưới chân núi Quái thấy có làng Đông Vũ, đại khái là ghi nhớ sự kiện ngọn núi đã tự nhiên chuyển đến để làm tên gọi vậy. Còn ở Giao Châu và Tuyết Châu có đồi núi di chuyển đến Thanh Châu, tất cả đồi núi dời chuyển đều không khác biệt gì lắm, hai sự kiện này không rõ xảy ra trong thời đại nào. Thượng Thư Kim Đằng nói: Núi đồi dời chuyển thì dân chúng-vua quan không nhờ đến Đạo sĩ, người tài đức không xuất hiện; hoặc bỗng lộc rời xa quan quyền, thưởng phạt không

nhờ vào chúa, nhà riêng trở thành nơi công cộng không có ai cứu giúp, đang lúc ấy làm cho thời thế đổi thay-thứ tự sai khác. Giải thích rằng: Thiên nói là thuận theo tự nhiên, nhất định phải thuận phác đối với người, trời có bốn mùa-năm hành, mặt trăng-mặt trời xoay vòng theo nhau, nóng lạnh thay nhau chuyển đổi, đó là sự chuyển vận tự nhiên vậy. Hòa hợp mà thành mưa, giận dữ mà thành gió, tản ra mà thành sương, hỗn loạn mà thành sương mù, đông lại mà thành sương tuyết, đứng yên thành cầu vồng. Đây là quy luật không đổi thay của trời đất. Nếu bốn mùa chuyển vận không bình thường, nóng lạnh trái ngược lộn loạn, thì năm hành thừa thiếu lẫn lộn, tinh tú vận hành sai khác, mặt trăng-mặt trời áp sát xâm thực lẫn nhau, sao Chổi bay dai sáng rực. Đây là thời gian biểu hiện sự thay đổi của trời đất. Lúc này nóng lạnh không đúng mùa, trời đất phát sinh nhiều sự việc rất xấu. Vì vậy đá dựng đất nổi lên cao, là trạng thái xấu của trời đất. Núi sụt đất chìm xuống, là những tai biến của trời đất. Mưa gió dữ dội hỗn loạn, là trạng thái trái ngược lẫn nhau của trời đất. Mưa ướt không tuôn xuống, khe suối cao hồ cạn, là lúc khô cháy của trời đất.

3/ Năm thứ ba niên hiệu Kiến Bình-Hán Ai Đế, ở vùng Linh Lăng có loài cây, đo vòng quanh thân cây là một trượng sáu thước, cao mười bốn trượng bảy thước. Dân chúng chặt gốc cây còn lại, cao hơn chín thước đều khô rụi, ba tháng sau gốc cây tự đứng lên ở chỗ cũ. Làng toại ở vùng Bình Dương-Nhữ Nam có loài cây, ở vùng đất rộng sanh ra cành lá, giống như hình người. Thân xanh vàng, sắc mặt màu trắng, đầu tóc hơi dài, khoảng sáu tấc một phân. Trong kinh Phòng Dị Truyện nói: Đức của nhà vua sắp suy bại, người hạng thấp hèn sắp nổi lên, thì có loài cây sanh ra làm thành hình dáng con người. Sau đó xảy ra sự cố đoạt ngôi do Vương Mãng cầm đầu.

4/ Năm thứ năm thời Hán Kiến Chiêu, Thứ sử Duyệt Châu là Hạ O Thưởng ngăn cấm dân chúng riêng tư mà lập đàn tế thần. Ở đàn tế thần của một làng thuộc huyện Sơn Dương có cây Hòe to lớn, binh lính chặt phá đứt gốc, đêm ấy cây lại đứng lên tại chỗ cũ. Giải thích rằng: Tất cả các loại đã chặt khô mà lại phát khởi, đều là hiện tượng của sự việc đã phế bỏ mà lại hưng thịnh, đó là điềm ứng của Thế Tổ mà thôi.

5/ Năm thứ ba niên hiệu Gia Bình-Hán Linh Đế, trong chỗ khảo sát làm cung điện phía bên phải có hai cây Thanh Thất, đều cao bốn thước. Một cây trong đó qua một đêm bỗng nhiên cao lên, cao hơn một trượng, to hơn một vòng ôm, có hình dạng người dân tộc Hồ, đầu mắt lông tóc đều có đủ. Tháng mười năm thứ năm, bên cạnh chánh niệm

có cây Hòe, to bằng sáu mươi vòng tay ôm, tự nhiên nhỏ bạc gốc dựng ngược lên, gốc ở trên cành ở dưới. Phần to lớn ấy dần dần đều mọc thành cây, không cong queo mà lại thẳng tắp ngay ngắn. Phía Tây Bắc thành Trường An khoảng sáu, bảy dặm có cây rỗng ruột, bên trong có người, mặt mọc đầy lông.

6/ Năm thứ bảy thời Hán Quang Hòa, cỏ trong khu vực Oan Câu Lu Kỳ thuộc quận Đông-Tế Âm vùng Trtần Lưu, mọc lên làm thành hình dáng con người, cầm năm binh khí cung nỏ, trâu-ngựa-rồng-rắn-chim thú có màu đen trắng thế nào, thì cỏ cũng có màu sắc như vậy, lông lá đầu mắt chân cánh đều có đủ, không những phẳng phát mơ hồ, mà cảnh tượng rất rõ ràng. Xưa kia giải thích rằng: Cỏ sắp thành yêu quái. Vào năm này có giặc Hoàng Cân nổi lên làm cho nhà Hán đến lúc suy sụp tan nát. Tháng 6 năm thứ nhất thời Ngô Ngũ Phụng, ở vùng Giáo Chỉ có loài cỏ Bái hóa làm cây lúa.

7/ Tháng 11 năm thứ 5 thời Tấn Vĩnh Gia, có loài chuột năm ngửa xuất hiện ở vùng Diên Lăng. Quách Phác bói bằng cỏ Thi, gặp Lâm Chi Ích nói: Huyện Đông của quận này sẽ xuất hiện loài yêu quái, người muốn tìm cách không chế, thì tìm đến cũng tự nhiên mất mạng rồi.

8/ Thời Ngô Tiên Chủ có Lục Kính Thúc, làm Thái thú này Kiến An, sai người chặt cây lâu năm, bỏ xuống mấy nhát rùi thì bỗng nhiên có máu chảy ra, đến lúc cây chặt ngã xuống thấy có một vật, đầu người thân chó, từ trong bông cây chạy ra. Kính Thúc nói: Loài này gọi là Bàn Hâu, nấu chín mà ăn có mùi vị như thịt chó.

9/ Cát Tô tự là Nguyên Tiên, người vùng Câu Dung-Đan Dương. Thời nhà Ngô làm Thái thú vùng Hoàn Dương, trong phạm vi của quận có cái bè gỗ lớn, nước tràn lên có thể làm thành yêu quái, dân chúng vì vậy mà lập miếu thờ. Người qua lại nhất định phải đi qua, cần phải cầu đảo cúng vái cái bè, cái bè mới chìm xuống không vướng đường đi, cái bè nổi lên thì thuyền bị vỡ tan hư hoại. Cát Tô muốn đến dinh quan sau đó mới dùng nhiều loại dụng cụ như búa rìu, mang ra chặt phá cái bè. Ngày mai sẽ đến chặt phá, đêm ấy người giữ miếu thờ và cư dân xung quanh, nghe giữa dòng sông có tiếng người ồn ào khác thường, tất cả đều cảm thấy quái lạ. Sáng sớm đến xem thì thấy cái bè đã chuyển đi, men theo dòng trôi xuống dưới mấy dặm, dừng lại ở giữa khúc cong của dòng sông. Từ đó người đi lại, không còn lo sợ bị lật chìm. Người vùng Hoàn Dương ca ngợi, vì Cát Tô dựng bia nói rằng: Do đức hạnh chính trực mà cầu khẩn tránh được tai họa, quỷ thần cùng làm cho di chuyển.

10/ Suy tìm chuyện xưa nói rằng: Thời Thái Tổ có bậc Đại Nhân chinh chiến phương xa, nhà không có người nào khác, chỉ có một cậu con trai và một cô con gái, cùng một con ngựa đực. Cô con gái đích thân nuôi dưỡng con ngựa, ở tận cùng nơi vắng vẻ nhớ đến cha mình, mới đùa với con ngựa rằng: Người có thể vì ta đón được cha ta trở về, thì ta sẽ lấy người làm chồng. Đã nhận được lời này, con ngựa bèn bứt dây cương mà đi, thẳng đến chỗ người cha. Người cha trông thấy con ngựa vừa kinh ngạc vừa vui mừng, vì vậy lấy mà cưới. Con ngựa đến nơi thì tự nhiên cất tiếng hí vang buồn bã không dứt. Người cha nói: Con ngựa này không có chuyện như vậy, nhà ta có thể không xảy ra sự cố gì chẳng? Thế là vội vàng cưới ngựa mà quay về, bởi vì loài súc sinh mà có tình cảm khác thường, cho nên cất cỏ chăm sóc rất nồng hậu, nhưng con ngựa không chịu ăn, cứ mỗi lần thấy cô gái ra vào, thì mừng giận giơ chân lên đá. Nhiều lần như vậy, người cha lấy làm quái lạ, kín đáo đem chuyện hỏi con gái. Cô con gái đem đầu đuôi sự việc nói cho cha biết, chắc chắn là vì điều này. Người cha nói: Đừng nói ra sợ rằng bôi xấu cho gia môn, lại đừng đi ra vào nữa. Ngay sau đó nắp kín dùng cung bắn mà giết chết con ngựa. Tắm da ngựa phơi ở trước sân. Người cha đi vắng, cô gái cùng với cô gái nhà hàng xóm lấy tấm da mà đùa giỡn, đưa chân đá mà nói: Người là súc sanh, mà muốn lấy con người làm vợ ư, làm cho phải bị lột da thế này, tại sao phải tự làm khổ mình? Nói chưa hết câu, tấm da ngựa bỗng nhiên mà tung lên, cuốn cô gái mang đi. Cô gái nhà hàng xóm luông cuống sợ hãi, không dám đến cứu, bèn chạy đi nói cho cha cô gái ấy biết. Người cha trở về tìm kiếm, đã biết rõ con gái mất rồi. Sau trải qua mấy ngày, tìm được con gái và tấm da ngựa giữa cành cây to, đều hóa làm sâu tằm mà giăng sợi ở trên cây. Sợi tơ trong kén tằm ấy dày dặn rất khác biệt so với tằm bình thường, người phụ nữ hàng xóm lấy về mà nuôi dưỡng, rõ ràng sợi tơ gấp nhiều lần. Vì thế gọi cây ấy là cây dâu (tang), tang là mất mát (trong), tang là cây dâu tằm mà cũng là tang tóc. Từ đó mọi người tranh nhau trồng cây dâu, thời nay đã nuôi tằm là vậy. Nói về tằm ăn lá dâu (tang tằm), là loại khác của tằm ngày xưa theo Thiên Quan thì tinh tú (thần) là ngôi sao Mã, con tằm là mặt trời-mặt trăng, đang lúc rất nóng thì tắm mát cho loại ấy, đó là tằm và ngựa cùng chung trạng thái nóng lạnh vậy. Trong Chu Lễ dạy người kéo sợi thì bàn tay không được bắt đầu từ con tằm, chú thích rằng: Đồ vật không có thể tươi nhiều, không được bắt đầu từ con tằm, bởi vì làm tổn thương đến con ngựa. Trong Hán Lễ, Hoàng Hậu đích thân chọn lấy cây dâu cúng tế Thần tằm nói: Phu nhân Uyển Dũ là công



chúa họ Ngụ. Công chúa là danh xưng tôn trọng của người con gái. Phu nhân Uyển Dũ là người hóa làm con tằm trước kia. Vì vậy thời nay có người gọi con tằm là con gái, chính là lời nói để lại của thời xưa.

Mười chuyện trên đây trích trong Sưu Thần Ký.

11/ Thời nhà Tống có Sa môn Thích Tăng Du, người vùng Dư Hoàng-Ngô Hưng, vốn là người họ Chu, xuất gia ở tuổi hai mươi, tên gọi là Thần Lý, tinh tiến tu tập thực hành khổ hạnh trước sau không thay đổi. Năm thứ 15 thời Tống Nguyên Gia, đi đến dừng chân ở Lư Sơn, bạn cùng đi có Đàm Ôn-Tuệ Quang..., đều chung tiết tháo trong sáng kiên trinh, cùng tôn sùng dừng lại nơi vắng vẻ, bèn cùng nhau làm chòi ở phía Nam vùng núi ấy, nay chính là Tinh xá Chiêu Ẩn. Tăng Du thường lấy kết sử làm nguyên nhân khiến cho tình ý và hình sắc chìm đắm trong ba đường, tình chấp sắp hết rồi thì hình sắc cũng phải mất đi, dấu tích của Dục Vương, một mình đâu nói là xa xăm? Thế là nhiều lần phát ra lời thề, vào năm bốn mươi bốn tuổi mới phù hợp đến, đạo tục đến chứng kiến, xe cộ nối tiếp nhau san sát. Tăng Du dẫn Đại chúng hành đạo, khuyên răn dạy bảo truyền trao giới pháp, hôm ấy trời mây dày kịt sắp mưa Tăng Du mới xúc động phát lời thề rằng: Nếu chí nguyện của tôi thành tựu rõ ràng thì bầu trời sẽ trong sáng, nếu như kỳ hạn quả thật không có cảm ứng thì nên mưa to, để cho bốn chúng ở đây biết rõ thần ứng không mơ hồ. Nói xong, trong chốc lát thì trời quang mây tạnh, mới đến nơi châm lửa thiêu thân. Chắp tay ngồi trang nghiêm, có một làn khói tím bay lên bầu trời tách biệt ra ngoài làn khói đang cuộn lên, rất lâu mới tản hết. Mười bốn ngày sau, trong phòng Tăng Du đã ở mọc lên hai cây Ngô đồng, gốc cành tươi tốt sum sê, lớn nhỏ giống hệt nhau, xuyên mái nhà vút thẳng lên, trở thành cây to lớn. Người hiểu biết nghĩa lý, cho là cây quý Sa la. Hầu như Tăng Du hạn định rõ ràng thời gian Niết-bàn, cho nên hiện ra cây này để chứng minh. Nhân đó gọi tên là Song Đồng Sa môn. Lúc ấy Trương Biện ở quận Ngô làm Trưởng sử vùng Bình Nam, đích thân nhìn thấy sự việc ấy, vốn có làm bài tán lưu truyền... (chuyện này trích trong Minh Tường Ký).

12/ Từ nước Thổ Phồn, gần ra ranh giới phía Nam vùng Tuyết Sơn, đến các nước Khuất Lộ Đa-tất lập... Từ trạm dịch này đi về phía Bắc, khoảng chín ngày đường, có một núi báu, đất đá trong núi đều là vàng ròng. Có người lấy về, thì lập tức gặp tai họa.

Trích trong Vương Huyền Sách Tây Quốc Hành Truyện.

